TẠP CHÍ Thanhtra
CƠ QUAN CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ
WWW.THANHTRAVIETNAM.VN

Số 07 - 2020
NĂM THỨ 42
ISSN 2354 - 1121

❑ **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:**
TS. Đặng Công Huẩn
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
Chủ tịch Hội đồng Biên tập
Bùi Ngọc Lam
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

❑ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:**
Ths. Nguyễn Thị Hoa

❑ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:**
Ths. Đỗ Mạnh Hùng
Trần Đắc Xuyên

❑ **TOÀ SOẠN:**
ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn
Đường dây nóng: 091.863.5289

- **Phòng Trị sự:**
ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065
E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com
Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069
- **Phòng Phóng viên & Biên tập:**
ĐT: 080.49073
E-mail: tapchithanhtrabbt@gmail.com
- **Phòng Truyền thông và Phát hành:**
ĐT: 080.49082 / 080.49070
Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com
- **Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:**
ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622
Email: tapchithanhtra496@gmail.com

❑ **GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:**
407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

❑ **BÌA 1:** Tổng Thanh tra Chính phủ Lê Minh Khái trong một buổi tiếp công dân định kỳ

❑ **ẢNH BÌA 1:** PV

❑ **THIẾT KẾ:** Nguyễn Tạo

❑ **IN TẠI:** Công ty TNHH In và Quảng cáo Tân Thành Phát

❑ **NỘP LƯU CHIỂU:** Tháng 7/2020

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

MỤC LỤC

❑ CHÍNH LUẬN

3 **Nguyễn Duy Kiên:** Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

7 **TS. Lê Tiến Hào:** Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

❑ NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

11 **TS. Đỗ Văn Đương:** Giải pháp nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

14 **Điệp Văn Chiến:** Quảng Ninh: Chủ động và quyết liệt trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

18 **Nguyễn Thị Ngọc Xinh:** Vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

21 **Ths. Đặng Thùy Trâm:** Sử dụng tình huống trong giảng dạy Chuyên đề "Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân" để nâng cao chất lượng bài giảng

24 **Ths. Phạm Công Hiệp:** Để tiến hành hiệu quả hoạt động thanh tra

28 **Ths. Lê Quang Kiệm:** Sự tương đồng của hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hành vi tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng

31 **TS. Trần Thị Thúy:** Một số vấn đề về "kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị" theo quy định của Luật PCTN năm 2018

VĂN HÓA - XÃ HỘI

35 **Trần Thương Tính:** Lưng chừng tháng Bảy…

36 **Trần Văn Thiên:** Hương sen mùa hạ

38 Truyện ngắn của ***Ma Văn Kháng***: Một ngày không được chấm công

TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

41 **Ths. Lưu Thị Tuyết:** Một số điểm mới của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019

45 **Quỳnh An:** Văn bản mới ban hành

KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

48 **Đỗ Hữu Thùy Dương:** Giải pháp giảm thiểu khiếu nại trong công tác thu hồi đất ở Cộng hòa Thống nhất Tanzania

Kỷ niệm 73 năm Ngày Thương binh - liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2020)

Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ THEO DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Duy Kiên

Cục Người có công, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Với truyền thống gắn bó, đoàn kết, chung lưng đấu cật chống thiên tai, địch họa trong lịch sử hơn 4.000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, đạo lý nhân ái thủy chung, "uống nước nhớ nguồn" đã trở thành lẽ sống, là nét đẹp trong đời sống của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đạo lý tôn thờ, hậu đãi người có công với đất nước, với dân tộc của cha ông đã được kế thừa và phát huy trong thời đại Hồ Chí Minh, là nền tảng sức mạnh để dân tộc ta giành độc lập tự do, thống nhất đất nước và kiên định trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khởi xướng và nêu lên những quan điểm cơ bản về ưu đãi người có công với cách mạng. Đánh giá rất cao công lao, thành tích của các thương binh, liệt sỹ, gia đình quân nhân, những cá nhân và gia đình có công với cách mạng, Hồ Chủ tịch đã viết: "*Thương binh, bệnh binh, gia đình quân nhân, gia đình liệt sỹ là những người có công với Tổ quốc, với Nhân dân. Cho nên, bổn phận của chúng ta là phải biết ơn, phải thương yêu và giúp đỡ họ*" [(1)].

Đồng chí Nguyễn Thị Hoa, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Thanh tra, Phó Chủ tịch Công đoàn Thanh tra Chính phủ cùng đoàn công tác Công đoàn Thanh tra Chính phủ thăm thương, bệnh binh đang điều dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh nặng, Thuận Thành, Bắc Ninh. Ảnh PV

I. Ngay từ những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với người có công đã được Đảng và Nhà nước ta thể hiện trong quan điểm ưu đãi người có công với cách mạng là góp phần củng cố vững chắc hậu phương, tạo sức mạnh cho tiền tuyến đánh giặc lập công.

Văn bản pháp luật đầu tiên về ưu đãi người có công với cách mạng là Sắc lệnh số 20/SL do Hồ Chủ tịch ký ngày 16/2/1947, sau đó được bổ sung bằng Sắc lệnh số 242/SL ngày 12/10/1948 qui định tiêu chuẩn xác nhận thương binh, liệt sỹ, thực hiện chế độ "lương hưu thương tật" đối với thương binh, chế độ "tiền tuất" đối với gia đình liệt sỹ.

Thực hiện ưu đãi đối với người có công ở thời kỳ này được thể hiện rõ nét nhất trong việc giải quyết vấn đề thương binh với phong trào "đón thương binh về làng" do Hồ Chủ tịch phát động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn ngày 27/7 hàng năm là *"Ngày thương binh toàn quốc"*. Người viết:

"Thương binh là những người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào, mà các đồng chí chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy, Tổ quốc, đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy... Ngày 27/7 là một dịp cho đồng bào ta tỏ lòng hiếu nghĩa bác ái, là tỏ ý yêu mến thương binh [2]... Người cũng nhắc nhở: *"Đó là một nghĩa vụ của Nhân dân đối với những chiến sĩ bị thương, bị bệnh; không nên coi đó là một việc làm phúc"...* [3]

Người kêu gọi các tầng lớp Nhân dân phát huy tinh thần "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây", hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sỹ về vật chất cũng như tinh thần một cách rất chân thành và cảm động: "*Từ trước đồng bào đã giúp đỡ nhiều. Nhưng tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được, và những tử sỹ không thể tái sinh, mà lòng bác ái của đồng bào cũng không có hạn. Vì vậy tôi mong và chắc rằng đồng bào trước đã giúp đỡ sau này sẽ sẵn sàng giúp đỡ mãi*" [4].

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, Nhân dân ta đã thực hiện những hành động "hiếu nghĩa bác ái", giúp đỡ thương binh giải quyết nhu cầu bức xúc trong chạy chữa vết thương và sinh hoạt thường ngày.

II. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến thương binh, liệt sỹ - những người đã cống hiến xương máu, hy sinh tính mạng của mình để bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho Nhân dân. Hàng năm, đều đặn cứ vào dịp tháng 7, Người lại gửi thư thăm hỏi, động viên thương binh, gia đình liệt sỹ, một mặt khẳng định công lao, đóng góp của họ, một mặt động viên họ: "... *Các đồng chí đã anh dũng giữ gìn non sông, các đồng chí sẽ trở nên người công dân kiểu mẫu ở hậu phương, cũng như các đồng chí đã từng là chiến sỹ kiểu mẫu ở ngoài mặt trận*" [5].

Trước lúc đi xa, trong Di chúc (phần bổ sung), Người cũng căn dặn: *"Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh". Đối với các liệt sỹ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sỹ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho Nhân dân ta. Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sỹ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét".*

Đồng chí Vũ Hồng Khánh, Chủ tịch Công đoàn TTCP và đồng chí Nguyễn Thị Hoa, Phó Chủ tịch Công đoàn TTCP thăm hỏi thương, bệnh binh tại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh nặng, Thuận Thành, Bắc Ninh Ảnh: PV

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khái quát sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm và chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta đối với vấn đề tri ân người có công như sau: *"... Phải đối đãi với những người, những gia đình liệt sỹ và thương binh như là những người đã có cống hiến rất lớn, rất lớn đối với sự nghiệp cách mạng, đối với sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của Nhân dân...; đó là một vấn đề rất quan trọng..., một vấn đề chính trị, một vấn đề tư tưởng, một vấn đề tình cảm, một vấn đề xã hội, một trong những vấn đề lớn của nước ta..., một vấn đề của tất cả chúng ta, một vấn đề lớn của Đảng ta, Nhà nước ta, của các tổ chức quần chúng, một vấn đề của các cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương và của cơ quan có trách nhiệm ở địa phương, của tỉnh, của huyện, của xã. Một vấn đề mà không cho phép một người Việt Nam nào không quan tâm, nếu người Việt Nam đó quan tâm đến sự nghiệp cách mạng của nước ta, của dân ta, quan tâm đến sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của chúng ta hiện nay..."* [6]

Định hướng chung mang tính thời đại này về công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng đã trở thành tiền đề để đẩy mạnh toàn diện công tác thương binh, liệt sỹ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Trong thời kỳ này, pháp luật ưu đãi người có công đã phát triển tương đối toàn diện về các nội dung chăm sóc vật chất và tinh thần người có công, động viên toàn xã hội chăm lo đến người có công, góp phần to lớn ổn định hậu phương để cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân hăng hái chiến đấu, hết lòng chi viện sức người, sức của cho miền Nam, thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

III. Khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất, bước sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa

xã hội trên phạm vi cả nước, lời dặn trước lúc đi xa của Hồ Chủ tịch đã được thể hiện rõ trong chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

1. Ngay sau ngày đất nước trọn niềm vui giải phóng, ngày 14/5/1975, Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã viết: *"Tổ quốc ghi công, Nhân dân đời đời biết ơn các anh hùng liệt sỹ, những người con ưu tú của dân tộc đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta. Tổ quốc và Nhân dân luôn ghi nhớ công lao của các đồng chí thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sỹ"*...[7]

Các thương, bệnh binh đang điều dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh nặng, Thuận Thành, Bắc Ninh *Ảnh: PV*

Tổng Bí thư Lê Duẩn khẳng định: *"Không ai đau khổ và hy sinh bằng những đồng chí bị địch đày đọa, giày vò và chết mòn trong lao tù của chúng; không ai anh hùng, vĩ đại bằng những chiến sĩ, đồng bào đã nhận cái chết để đổi lấy độc lập tự do cho Tổ quốc. Đó là những người có công lớn nhất*...[8]

Mười năm sau ngày giải phóng, từ năm 1975 đến năm 1985 là giai đoạn có những thay đổi to lớn trong đời sống xã hội của nước ta. Pháp luật ưu đãi phải có những thay đổi bổ sung cho phù hợp nhằm khắc phục một số bất hợp lý, giải quyết một khối lượng lớn công việc do hậu quả của chiến tranh để lại, hình thành một hệ thống văn bản pháp qui có hiệu lực thực hiện thống nhất trong cả nước, phục vụ cho yêu cầu của giai đoạn mới.

Nhìn chung, đây là thời kỳ nền kinh tế nước ta có nhiều biến động, vừa kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ, đất nước lại phải bước vào cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc, đời sống Nhân dân và các đối tượng có công gặp rất nhiều khó khăn.

2. Cùng với quá trình đổi mới của đất nước khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch về ưu đãi người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), lần thứ VII (1991) đã định hướng và chỉ đạo cụ thể.

Từ đầu những năm 90 trở đi, nền kinh tế thị trường phát triển khá mạnh mẽ đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội hết sức bức xúc, trong đó có vấn đề người có công. Để điều chỉnh các mâu thuẫn, các mối quan hệ xã hội, vấn đề ưu đãi người và gia đình có công với cách mạng đã trở thành nguyên tắc hiến định và được ghi nhận trang trọng ở Hiến pháp Nước Cộng hòa xã chủ nghĩa Việt Nam năm 1992: *"Thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Thương binh được tạo điều kiện phục hồi chức năng lao động, có việc làm phù hợp với sức khỏe và đời sống ổn định. Những người và gia đình có công với nước được khen thưởng, chăm sóc"*.

Thể chế hóa nguyên tắc hiến định này, nhân dịp kỷ niệm 25 năm thực hiện Di chúc Hồ Chủ tịch, ngày 10/9/1994, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sỹ và gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng (gọi tắt là Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng). Đây là một bước tiến dài trong việc pháp điển hóa pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng, là sự kế thừa, chọn lọc và phát triển những bài học của nửa thế kỷ qua với một hệ thống trên 1.400 văn bản qui định về chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng qua các thời kỳ.

Sau 51 năm thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch, chính sách ưu đãi người có công đã trở thành một hệ thống pháp luật toàn diện và ngày càng được hoàn thiện. Pháp lệnh về ưu đãi người có công với cách mạng (đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế và quá trình cải cách hành chính vào các năm 1998, 2000, 2005, 2007 đến năm 2012) cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện đã tạo lập hành lang pháp lý và công cụ quản lý Nhà nước hữu hiệu về lĩnh vực ưu đãi người có công với cách mạng. Chính sách người có công ngày càng được hoàn thiện theo hướng bổ sung thêm đối tượng, bổ sung chế độ ưu đãi và nâng mức trợ cấp cao hơn, toàn diện hơn đối với các đối tượng người có công.

Với việc ban hành và không ngừng hoàn thiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, nhiều vấn đề còn tồn tại trong chính sách Ưu đãi trước đây được điều chỉnh phù hợp với tình hình mới, như việc áp dụng thống nhất mức trợ cấp giữa thương binh hưởng lương và thương binh hưởng sinh hoạt phí khi bị thương, giữa thương binh đang công tác hay nghỉ hưu với

thương binh về địa phương có cùng tỷ lệ thương tật; thực hiện công bằng trong chính sách giữa người có công thoát ly và không thoát ly, căn bản tách chế độ ưu đãi tồn tại từ mấy chục năm trong chính sách bảo hiểm xã hội chuyển sang chính sách ưu đãi xã hội (như thâm niên kháng chiến, phụ cấp đối với cán bộ lão thành cách mạng, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động...).

Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đã nêu rõ một nguyên tắc chung là chế độ ưu đãi phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và được bảo đảm bằng ngân sách Nhà nước.

Điều đáng lưu ý nhất là chế độ trợ cấp hàng tháng đã từng bước phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Chế độ trợ cấp ưu đãi cùng với các chế độ ưu đãi khác đã thực sự tạo điều kiện để đời sống của thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng ngày càng tốt hơn; góp phần củng cố lòng yêu nước, lòng tin đối với Đảng, chế độ; cổ vũ họ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng trong sự nghiệp đổi mới của đất nước.

51 năm thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch về ưu đãi người có công đã đạt được nhiều kết quả nổi bật. Đặc biệt, phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" với 5 chương trình cụ thể đã phát triển mạnh mẽ cả bề rộng lẫn chiều sâu, thực sự huy động được sức mạnh của toàn xã hội tự nguyện tham gia phong trào, gánh vác trách nhiệm cùng Nhà nước chăm lo đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công. Hàng trăm nghìn căn nhà tình nghĩa với mức kinh phí hàng chục ngàn tỷ đồng được xây dựng, cải tạo tặng các gia đình chính sách; 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng được nhận phụng dưỡng suốt đời; 98,3% xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường làm tốt công tác thương binh liệt sỹ và người có công; 98,6% số gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình so với người dân địa bàn cư trú; quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" đã huy động được hàng chục ngàn tỷ đồng…

Công tác tìm kiếm, cất bốc, quy tập hài cốt liệt sỹ được các đơn vị, địa phương hết sức chú trọng, công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm đẩy mạnh, công tác đối ngoại, hợp tác về lĩnh vực này được xúc tiến và mở rộng. Từ 2012 đến 2019 đã quy tập được gần 16.000 hài cốt liệt sỹ (trong nước gần 7.600, ở Lào trên 2.500, ở Campuchia gần 5.900).

Cả nước có trên 3.200 nghĩa trang liệt sỹ và trên 3.000 công trình ghi công liệt sỹ. Nhiều nghĩa trang, công trình ghi công liệt sỹ như Nghĩa trang liệt sỹ Điện Biên Phủ, Nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, Nghĩa trang liệt sỹ Đường 9, Đền Tưởng niệm liệt sỹ Bến Dược, Khu Tưởng niệm liệt sỹ thanh niên xung phong ngã ba Đồng Lộc, Truông Bồn, Lam Hạ… đã trở thành những di tích lịch sử, công trình văn hóa, biểu tượng của tinh thần, ý chí đấu tranh giành độc lập và khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc truyền thống yêu nước, cách mạng, thu hút đông đảo đồng bào, chiến sỹ cả nước và bạn bè quốc tế đến thăm viếng, tưởng niệm.

Chế độ ưu đãi về kinh tế xã hội đối với người có công với hiệu quả có ý nghĩa xã hội cao: Hàng triệu người có công và thân nhân được Nhà nước mua bảo hiểm y tế. Hàng trăm nghìn người có công và thân nhân được hỗ trợ cải thiện nhà ở…

Để chăm sóc ngày càng tốt hơn đời sống của người có công với cách mạng và thân nhân, thực hiện Chỉ thị của Đảng, nhân kỷ niệm 51 năm thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch về ưu đãi người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hiện đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố nghiên cứu sửa đổi, bổ sung toàn diện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để làm tốt hơn nữa công tác "Đền ơn đáp nghĩa" đối với người có công với cách mạng và thân nhân, tạo điều kiện để người có công được thụ hưởng chính sách, nâng cao hơn nữa mức sống cả về vật chất và tinh thần, cơ bản bảo đảm gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn, hiện thực hóa Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở một tầm cao mới./.

Chú thích:

(1) Thư gửi Thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sỹ nhân ngày 27/7 ngày 17/7/1956, in trên Báo "Nhân Dân" số 875 ngày 27/7/1956; Hồ Chí Minh toàn tập 10, trang 372;

(2) Thư gửi Ban Thường trực của Ban Tổ chức "Ngày Thương binh toàn quốc" ngày 17/7/1947, in trong sách Lời Hồ Chủ tịch, Nha Thông tin Việt Nam, 1949, tập 2, trang 11-12; Hồ Chí Minh toàn tập 5, trang 204;

(3) Thư gửi cụ Bộ trưởng Bộ Thương binh, Cựu binh nhân ngày thương binh, tử sỹ 27/7/1952, in trên Báo "Cứu Quốc"số 2129 ngày 26/7/1952; Hồ Chí Minh toàn tập 7, trang 455;

(4) Lời Kêu gọi nhân ngày 27/7/1948, in trên Báo "Quân Du kích" số 5 ngày 15/7/1948; Hồ Chí Minh toàn tập 5, trang 580;

(5) Thư gửi anh em thương và bệnh binh tháng 7/1948, in trong sách "Những Lời Kêu Gọi của Hồ Chủ Tịch", Nhà Xuất bản Sự Thật (1958) tập 1 trang 266; Hồ Chí Minh toàn tập 5, trang 548;

(6) Bài in trong tập sách "Tổ quốc ta, Nhân dân ta, sự nghiệp ta và Người nghệ sĩ", Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1973;

(7) Lời chào mừng của Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại Lễ mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc tại thành phố Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), ngày 15/5/1975, in trên Báo "Nhân Dân", số 7786, ngày 16/5/1975;

(8) Phát huy thắng lợi vĩ đại tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên (Bài nói tại Hội nghị truyền đạt Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 28/7/1976); Lê Duẩn, Cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nhà Xuất bản Sự Thật tập 3, Hà Nội 1980, trang 231-306.

Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2011;

2. Di chúc Hồ Chủ tịch;

3. Phạm Văn Đồng, "Tổ quốc ta, Nhân dân ta, sự nghiệp ta và Người nghệ sĩ", Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1973;

4. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (năm 1976), lần thứ V (năm 1981), lần thứ VI (1986), lần thứ VII (1991).

Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh

VỀ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

TS. Lê Tiến Hào
Nguyên Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người luôn căn dặn, nhắc nhở những người lãnh đạo, cán bộ, đảng viên, những người làm công tác thanh tra phải quan tâm đến công tác tiếp công dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng, những "oan ức", "thắc mắc" của người dân để giải quyết "sớm", giải quyết "tốt". Bác đã đi xa, nhưng những lời dạy của Bác, những quan điểm, tư tưởng của Bác về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn nguyên giá trị đối với chúng ta ngày hôm nay.

Theo thống kê của Trường Cán bộ Thanh tra, từ năm 1945 đến 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký 39 Sắc lệnh và trên 40 bài nói chuyện, bài viết, bức thư, bức điện có nội dung liên quan đến công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Có thể khái quát quan điểm, tư tưởng của Bác về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo như sau:

***Một là**, khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của con người, quyền dân chủ của Nhân dân; các cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức phải tôn trọng, bảo vệ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.*

Tổng Thanh tra Chính phủ Lê Minh Khái tiếp công dân *Ảnh: PV*

Ngày 03/9/1945, chỉ sau một ngày đọc Tuyên ngôn Độc lập, lập nên Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dù bận trăm công, ngàn việc của một chính quyền non trẻ, thù trong, giặc ngoài phá hoại, chính quyền cách mạng ở vào thế "ngàn cân treo sợi tóc", nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra lịch tiếp đại biểu của Nhân dân, Bác nói: "Từ năm nay, tôi sẽ rất vui lòng tiếp chuyện các đại biểu của các đoàn thể"[1].

Ngày 12/10/1945, trong bài báo "Sao cho được lòng dân" đăng trên Báo Cứu quốc, Bác đã nhắc nhở: "Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề dầu khó đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới"[2].

Trong Sắc lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945 về thành lập Ban Thanh tra đặc biệt, Bác đã giao nhiệm vụ cho Ban Thanh tra "nhận các đơn khiếu nại của Nhân dân". Ngay sau khi được giao nhiệm vụ, Ban Thanh tra đặc biệt do cụ Bùi Bằng Đoàn làm Trưởng ban đã tập trung nghiên cứu kỹ đơn thư của các tầng lớp Nhân dân

và các nhân sĩ trí thức gửi về cho Chính phủ, đồng thời trực tiếp đi điều tra tình hình ở một số nơi để giải quyết ngay. Kết quả là tháng 01/1946 đã xem xét, minh oan và yêu cầu trả lại tự do cho hơn 20 người bị bắt và đang bị giam giữ trái pháp luật ở tỉnh Hà Nam; tháng 02/1946 giải quyết vụ kêu oan của những người bị bắt ở tỉnh Thanh Hóa và đã trả lại tự do cho 10 người bị bắt oan, đồng thời xử lý cách chức một vị chủ tịch tỉnh X do bị Nhân dân tố cáo tham ô...[3]. Những việc làm đó của Ban Thanh tra đặc biệt đã tạo ra sự tin tưởng của Nhân dân đối với chính quyền cách mạng do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Bác Hồ luôn nhắc nhở rằng khiếu nại, tố cáo là quyền dân chủ trực tiếp của người dân. Trong thư gửi đồng bào liên khu 4, Bác Hồ đã khẳng định: "Khi ai có điều gì oan ức, thì có thể do các đoàn thể tố cáo lên cấp trên. Đó là quyền dân chủ của tất cả công dân Việt Nam. Đồng bào cần biết rõ và khéo dùng quyền ấy"[4].

Trong bức điện gửi đồng bào Sơn Hà, Bác đã nhắn nhủ: "Nếu cán bộ địa phương có điều gì sai lầm, nếu đồng bào có việc gì oan ức, thì đồng bào phái đại biểu đến trình bày với tôi và Chính phủ. Tôi đảm bảo rằng tôi và Chính phủ sẽ trừng trị những cán bộ có lỗi, và sẽ làm cho đồng bào khỏi oan ức"[5].

Năm 1956, Bác viết thư thăm hỏi đồng bào Khu tự trị Thái - Mèo nhân dịp kỷ niệm một năm thành lập, trong thư có đoạn viết: "Nhân dân thẳng thắn phê bình cán bộ, phê bình chính quyền; bày tỏ lên Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính những ý kiến và nguyện vọng của mình; giúp Chính phủ đặt chủ trương và kế hoạch cho đúng để cải thiện đời sống Nhân dân"[6].

Bác Hồ luôn luôn dạy cán bộ đảng viên: Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều ở nơi dân, dân chủ là của quý báu nhất trên đời của dân. Thực hành dân chủ rộng rãi là chiếc chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi nhiệm vụ, vượt qua mọi khó khăn, lắng nghe tiếng nói của Nhân dân, lấy dân làm gốc, đem tài dân, sức dân làm lợi cho dân.

Hai là, *tiếp nhận, xem xét, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cán bộ, công chức có thẩm quyền.*

Nói chuyện tại Hội nghị Cán bộ thanh tra toàn miền Bắc ngày 05/3/1960, Bác đã căn dặn cán bộ thanh tra: "Đồng bào có oan ức, có thắc mắc mới khiếu nại. Ta giải quyết tốt các việc khiếu nại, đồng bào thấy Đảng và Chính phủ quan tâm, lo lắng đến họ, do đó mối quan hệ giữa quần chúng Nhân dân với Đảng và Chính phủ được củng cố tốt hơn"[7].

Đồng bào oan ức là vì có những cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, làm sai chủ trương, chính sách, pháp luật, tham nhũng, tiêu cực. Đồng bào có thắc mắc là vì họ chưa hiểu chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Chính phủ. Họ chưa hiểu là do chính quyền các cấp quan liêu, mệnh lệnh, chưa làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến, giải thích, vận động người dân.

Bác Hồ rất coi trọng việc tuyên truyền, giải thích, vận động Nhân dân. Ngày 01/5/1950, Bác ký Sắc Lệnh số 65-SL thành lập Đoàn thanh tra của Chính phủ để thanh tra việc thực hiện Lệnh tổng động viên ở Liên khu Việt Bắc, do Tổng Thanh tra Chính phủ Hồ Tùng Mậu làm trưởng đoàn. Đoàn thanh tra không chỉ có nhiệm vụ kiểm tra, xem xét, đánh giá việc thực hiện Lệnh tổng động viên mà còn có nhiệm vụ quan trọng là giải thích, hướng dẫn để các địa phương và Nhân dân hiểu đúng, thực hiện đúng chủ trương, chính sách về Lệnh tổng động viên nhân lực, vật lực cho kháng chiến.

Trong bài báo "Dân vận" đăng trên Báo Sự thật số 120, ngày 15/10/1949, Bác đã chỉ rõ: "*Trước nhất* phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được. *Điều thứ hai* là bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành"[8].

Bác cũng yêu cầu các cơ quan Nhà nước, cơ quan thanh tra, những cán bộ, công chức có thẩm quyền trong các cơ quan phải giải quyết "tốt" khiếu nại, tố cáo của người dân. Giải quyết "tốt" nghĩa là phải giải quyết sớm, kịp thời, giải quyết ngay từ nơi phát sinh, từ cơ sở; giải quyết có lý, có tình, vừa đúng pháp luật, vừa phù hợp với thực tiễn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, không để người dân phải khiếu nại, tố cáo vượt cấp. Bác rất hiểu tâm tư, nguyện vọng của những người dân khiếu nại, tố cáo, những người bị "oan ức", họ rất trông chờ, nóng lòng muốn chính quyền sớm giải quyết cho họ. Mặc dù bận trăm công, ngàn việc, Bác luôn luôn nêu tấm gương sáng về việc tiếp nhận và chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhân dân, xử lý nghiêm những cán bộ sai phạm, đồng thời Bác còn đích thân xin lỗi Nhân dân.

Bác luôn dạy cán bộ, đảng viên phải hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân, xứng đáng là người đầy tớ trung thành của Nhân dân.

Ba là, *khiếu nại, tố cáo là phương thức giám sát của Nhân dân, phương thức để Nhân dân xây dựng Đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức.*

Khi thực hiện khiếu nại, tố cáo là người dân đã báo cho các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước những thông tin về những việc làm, hành vi mà theo họ là trái pháp luật, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của họ, trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh làm rõ.

Vì vậy, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo là tôn trọng và phát huy vai trò của người dân trong việc giám sát hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức Nhà nước. Có tác dụng giúp Đảng và Nhà nước nắm tình hình chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật; kịp thời uốn nắn những lệch lạc, sai lầm của cán bộ, công chức; sửa đổi bổ sung chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý cho phù hợp với thực tiễn; góp phần tích cực vào việc xây dựng Đảng, Nhà nước, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh.

Những lời dạy, quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được Đảng và Nhà nước thể chế hóa thành chủ trương, chính sách, pháp luật. Hiến pháp năm 1959 đã quy định rõ: "Công dân Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền khiếu nại, tố cáo với bất cứ cơ quan Nhà nước nào về hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan Nhà nước. Những việc khiếu nại và tố cáo phải được xét và giải quyết nhanh chóng. Người bị thiệt hại vì hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan Nhà nước có quyền được bồi thường". Hiến pháp các năm 1980, 1992 và 2013 tiếp tục khẳng định những quan điểm, tư tưởng đó của Bác Hồ.

Bên cạnh đó, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Thanh tra, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Tố tụng hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan khác ngày càng quy định cụ thể hơn, đầy đủ hơn, hoàn thiện hơn, tạo điều kiện thuận lợi hơn để người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng rất quan tâm đến công tác này, đã có nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, tổ chức Đảng trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp. Có thể kể đến những văn bản gần đây như: Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân… Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng có nhiều nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo quyết liệt với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trong những năm vừa qua, các cấp, các ngành, các địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đã đạt được một số kết quả tích cực. Theo tổng hợp của Thanh tra Chính phủ, trong thời gian từ 2014 đến 2018 (5 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị), các cơ quan hành chính Nhà nước đã tiếp 1.926.126 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị (tăng 13,7% so với thời kỳ 2009 - 2013); tiếp nhận và xử lý 1.295.168 đơn thư (tăng 69% so với cùng kỳ 2009 - 2013); đã giải quyết 153.353 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 82,4%. Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã kiến nghị thu hồi cho Nhà nước và trả lại cho người dân 1.000,3 tỷ đồng; 262,3 ha đất; trả lại quyền lợi cho 10.073 người khiếu nại; kiến nghị xử lý hành chính 2.363 cán bộ, công chức, viên chức; chuyển cơ quan điều tra 122 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

Tuy nhiên, tình hình khiếu nại, tố cáo vẫn diễn biến phức tạp, số đoàn khiếu nại, tố cáo đông người vẫn diễn ra ở nhiều địa phương; số vụ khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên Trung ương không giảm; số vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài vẫn tồn tại ở một số ngành, địa phương, có những nơi trở thành điểm nóng, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội; quyền lợi chính đáng, hợp pháp của nhiều người dân chưa được xem xét, giải quyết thấu đáo.

Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân do cơ chế, chính sách chưa phù hợp, chưa sát với thực tế, ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của người dân; có nguyên nhân do công tác quản lý yếu kém, nhất là quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, chính sách xã hội… một số cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm với dân, tiêu cực, tham nhũng…; có nguyên nhân do công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa tốt, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa đến nơi đến chốn. Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày 19/5/2018, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ rõ: "Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn nhiều tồn tại, hạn chế. Chủ tịch UBND nhiều địa phương chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm tiếp dân định kỳ theo quy định của pháp luật, chưa làm tốt việc đối thoại với dân, nhất là những vụ việc người dân bức xúc, dư luận xã hội quan tâm; chưa giành thời gian thích đáng để tập trung chỉ đạo giải quyết mà khoán trắng cho các cơ quan thanh tra và cấp dưới. Nhiều vụ việc giải quyết còn chậm, kéo dài, để người dân phải chờ đợi lâu, quyền lợi không được bảo đảm, gây ra bức xúc, khiếu kiện vượt cấp lên các cơ quan Trung ương. Khi giải quyết không xem xét kỹ lưỡng, thấu đáo các tài liệu do người dân cung cấp, không đánh giá đầy đủ các khía cạnh pháp lý và thực tế của vụ việc để có biện pháp giải quyết phù hợp, khả thi, chấm dứt được khiếu nại. Một số địa phương chưa tích cực rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, có trường hợp khi rà soát thấy người tiền nhiệm giải quyết chưa đúng, chưa phù hợp nhưng tránh né, đùn đẩy, không mạnh dạn sửa sai, giải quyết lại. Sự phối hợp giữa các địa phương và các cơ quan chức năng của Trung ương còn chưa chặt chẽ, nhất là khi xử lý những vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người. Còn tình trạng đùn đẩy việc khiếu nại của dân lên Thủ tướng Chính phủ"[9].

Trước tình hình khiếu nại, tố cáo hiện nay và những yêu cầu mới của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là những người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp, những người làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo càng phải thấm nhuần sâu sắc, học tập và làm theo tư tưởng của Bác về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo bằng những hành động thiết thực. ***Trước hết***, cần phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc vị trí, vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Làm tốt công tác này là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân; tôn trọng quyền dân chủ của Nhân dân, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia quản lý Nhà nước và xã hội; củng cố lòng tin của Nhân dân đối với

Đảng và Nhà nước; góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để phát triển đất nước. ***Hai là,*** phải nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, khắc phục ngay những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo mà Thủ tướng Chính phủ đã chỉ ra; quán triệt đầy đủ, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tuyệt đối không được có thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử với những người dân khiếu nại, tố cáo. ***Ba là,*** người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp phải tiếp công dân định kỳ, đột xuất để lắng nghe ý kiến nguyện vọng của người dân, chủ động đối thoại, vận động thuyết phục công dân để giải quyết, tháo gỡ triệt để khiếu nại, tố cáo, bức xúc của người dân. Các cơ quan thanh tra Nhà nước, cơ quan tiếp dân, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cố gắng vượt qua khó khăn, gian khổ để xác minh, xem xét cẩn thận, tham mưu chính xác, giúp thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thấu tình, đạt lý khiếu nại, tố cáo của người dân. ***Bốn là,*** tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích của người dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, chính sách xã hội… cho phù hợp, sát với thực tế; chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về kinh tế, xã hội, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, tích cực phòng, chống quan liêu, tham nhũng để hạn chế những nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo của người dân; tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tăng cường tuyên truyền, phổ biến để cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước và Nhân dân nắm được. Thực hiện đúng nguyên tắc: Mọi chủ trương, chính sách, pháp luật phải thật sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi, nhưng Người đã để lại cho Đảng ta, Nhân dân ta, các thế hệ hôm nay và mai sau một di sản tư tưởng vô cùng quý báu, một tấm gương đạo đức và phong cách, lối sống hết sức sáng ngời. Những lời dạy, quan điểm, tư tưởng của Bác Hồ về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn nguyên giá trị đối với tất cả chúng ta. Học tập và làm theo Bác, vận dụng sáng tạo và linh hoạt những quan điểm, tư tưởng của Bác, nhất định chúng ta sẽ làm tốt công tác này, góp phần mang lại hạnh phúc cho người dân, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và tương lai tươi sáng của đất nước./.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2011, tập 4, trang 9.

(2) Hồ Chí Minh toàn tập; Sđd, tập 4, trang 51-52.

(3) Thanh tra Chính phủ, "Lịch sử Thanh tra Việt Nam 1945-2015", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2015, tr.15-20.

(4); (5); (8) Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd, tập 6, tr. 396-397, 466-467, 232-234.

(6) Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd, tập 10, tr. 326-327.

(7) Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd, tập 12, tr. 503-504.

(9) Thông báo số 202/TT-VPCP, ngày 31/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tháng Bảy về

Tháng Bảy về
Làn mưa ngâu chòng chành ru kỷ niệm
Phượng cuối mùa
Cháy đỏ một niềm riêng…

Ai đứng đợi giữa phố chiều lặng gió
Hương ngày cũ ngan ngát giấc mơ xưa
Khung cửa khép
Vệt nắng vàng hoang hoải
Phía xa xôi khắc khoải một ánh nhìn…

Tháng Bảy về
Chênh chao câu hát cũ
Ráng chiều vương trên đôi cánh thiên di
Đoá bằng lăng bâng khuâng niệm khúc cuối
Phố không mùa
Muộn màng những nhớ thương…

Tháng Bảy về
Miền hoa cỏ tinh khôi
Xin khép lại vần thơ xưa dang dở
Thôi ngủ nhé nỗi buồn sâu đáy mắt
Cánh chim trời thong thả vút bay đi…

Nguyệt Thi

Giải pháp nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

TS. Đỗ Văn Đương
Phó trưởng Ban Dân nguyện

Tổng Thanh tra Chính phủ Lê Minh Khái chụp ảnh lưu niệm cùng tập thể Ban Tiếp công dân Trung ương *Ảnh: PV*

Thực tiễn thời gian qua cho thấy ở đâu và khi nào người đứng đầu cấp ủy, UBND các địa phương, thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp quan tâm đến công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC); lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, gặp gỡ, đối thoại trực tiếp, thẳng thắn, công khai, dân chủ với dân; chỉ đạo kịp thời giải quyết dứt điểm từ cơ sở thì nơi đó giảm hẳn tình hình khiếu nại của dân, đặc biệt ít đoàn khiếu kiện đông người lên Trung ương.

Ngược lại, cấp nào, địa phương nào người đứng đầu còn hình thức trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, không lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, không đối thoại với dân, quan liêu, áp đặt, khoán trắng cho cấp dưới giải quyết, thì ở đấy tình hình khiếu nại của công dân rất phức tạp, nhiều đoàn đông người thường xuyên kéo lên Trung ương.

Do đó, việc nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Đảng và Nhà nước ta cũng đã có những chế định, quy định cụ thể về trách nhiệm này.

1. Quy định của Đảng và Nhà nước về trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp

- Về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy các cấp: Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân như sau:

+ Người đứng đầu cấp ủy phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết KNTC của dân; thực hiện nghiêm việc tiếp dân, đối thoại và xử lý, giải quyết những KNTC của dân theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước (Khoản 1, Điều 2).

+Thời gian tiếp dân định kỳ của người đứng đầu cấp ủy như sau: (a) Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện tiếp dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng; (b) Người đứng đầu cấp ủy cấp xã tiếp dân ít nhất 02 ngày trong 01 tháng (Khoản 1, Điều 4). Ngoài ra, người đứng đầu cấp ủy tiếp dân đột xuất trong các trường hợp như: (a) Vụ việc nổi cộm, phức tạp, kéo dài, có nhiều người tham gia, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn khác nhau; (b) Vụ việc có thể gây hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội (Khoản 2, Điều 4).

- Về trách nhiệm tiếp dân của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp: Luật Tiếp công dân quy định người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước (HCNN) các cấp phải tiếp dân định kỳ, đột xuất theo quy định. Về tiếp dân định kỳ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh phải tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng, Chủ tịch UBND cấp huyện phải tiếp công dân ít nhất 02 ngày trong 01 tháng, Chủ tịch UBND cấp xã phải tiếp công dân ít nhất 04 ngày trong 01 tháng[1]. Người đứng đầu các cơ quan HCNN có trách nhiệm *"trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình"*[2].

Luật Tiếp công dân quy định các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải có trách nhiệm niêm yết công khai thông tin về lịch tiếp công dân của người đứng đầu. Lịch tiếp công dân của người đứng đầu phải được *"niêm yết chậm nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày tiếp công dân; trường hợp không thể thực hiện việc tiếp công dân theo lịch đã công bố do có lý do chính đáng thì có thể lùi lịch tiếp công dân sang thời gian khác"*.

Luật cũng quy định về nơi tiếp công dân của thủ trưởng cơ quan HCNN, bao gồm: Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải được thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp.

Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân nêu rõ: Khi tiếp công dân, nếu vụ việc rõ ràng, cụ thể, có cơ sở và thuộc thẩm quyền giải quyết thì thủ trưởng cơ quan HCNN phải trả lời ngay cho công dân biết; nếu vụ việc phức tạp cần nghiên cứu xem xét thì nói rõ thời hạn giải quyết và người cần liên hệ tiếp để biết kết quả giải quyết.

2. Thực tiễn thực hiện trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp

- Tại các địa phương

+ Người đứng đầu cấp ủy các cấp một số địa phương đã cùng Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp công dân và kể từ khi có quy định của Bộ Chính trị thì việc tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy đã có nhiều chuyển biến tích cực; khắc phục một bước quan trọng tình trạng khoán trắng cho chính quyền và các cơ quan chuyên môn; tổ chức đối thoại, chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp ngay từ nơi phát sinh; chấn chỉnh những việc làm sai trái của cán bộ, cơ quan cấp dưới; hướng dẫn công dân thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Chủ tịch UBND các cấp và thủ trưởng các ban, ngành cơ bản đã nhận thức được trách nhiệm tiếp công dân định kỳ theo luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND các cấp đã ban hành Nội quy tiếp công dân, niêm yết lịch tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân. Chủ tịch UBND các cấp trực tiếp phụ trách công tác tiếp công dân; một số nơi còn thường xuyên phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiếp công dân, giải quyết đơn thư KNTC.

- Tại các bộ, ngành

+ Nhiều Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức công tác tiếp công dân của cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Tiếp công dân. Ban hành Quy chế, Thông tư quy định về việc tiếp công dân định kỳ ít nhất 01 ngày/01 tháng của Bộ trưởng, giao Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng tiếp công dân, tiếp nhận các KNTC, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của Bộ. Việc tiếp công dân định kỳ của Bộ trưởng được thực hiện căn cứ vào yêu cầu, đề nghị của công dân, Thanh tra, Văn phòng Bộ hoặc các vụ chức năng bố trí lịch tiếp.

Có thể nói, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và thủ trưởng các cơ quan HCNN về cơ bản đã chủ động chỉ đạo việc tiếp công dân nhằm giải quyết đơn thư KNTC thuộc thẩm quyền, tạo được sự chuyển biến tích cực, hạn chế phát sinh điểm nóng, phức tạp, giảm số lượng đơn thư, KNTC vượt cấp lên các cơ quan Trung ương, góp phần ổn định tình hình an ninh - chính trị, trật tự - xã hội.

Bên cạnh những kết quả tích cực nói trên, việc thực hiện trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, chính

quyền các cấp ở một số nơi vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, cụ thể:

- Nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu một số cấp, ngành đối với công tác tiếp công dân chưa đầy đủ, thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác này. Việc tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu chưa đảm bảo theo luật định (cấp tỉnh khoảng 70%, cấp huyện 50%, cấp xã không thống kê được, có nơi chỉ khoảng 10%). Nhiều cấp, ngành, người đứng đầu không tiếp dân định kỳ buổi nào vì lý do dân không đến, thường ủy quyền cho cấp phó thực hiện việc tiếp công dân định kỳ là không đúng luật; khoản 4, Điều 24 Luật quy định: "Trường hợp không thể thực hiện việc tiếp công dân theo lịch đã công bố do có lý do chính đáng thì có thể lùi lịch tiếp công dân sang thời gian khác".

Có nhiều ý kiến cho rằng, quy định của pháp luật về thời hạn tiếp công dân định kỳ *"ít nhất là 01 ngày/01 tháng"* là không khả thi, gây khó khăn cho người đứng đầu, đặc biệt là với Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện vì các chức danh này bận nhiều công việc quan trọng khác. Ý kiến này không phù hợp với trách nhiệm chính trị của người đứng đầu, vấn đề ở chỗ phải tiếp công dân định kỳ mới có hiệu quả.

- Một số nơi, người đứng đầu có biểu hiện ngại khó, ngại va chạm, ngại đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, không lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, không kịp thời xử lý những vụ việc đơn giản ngay tại cơ sở dẫn đến khiếu nại kéo dài, vượt cấp lên Trung ương. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác tiếp công dân có nơi chưa quyết liệt, sâu sát, chưa kịp thời; trách nhiệm phối hợp chưa chặt chẽ (chủ yếu phối hợp trong các buổi tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Việc bố trí cán bộ tiếp công dân, tham mưu giải quyết KNTC còn hạn chế, có nơi bố trí những người còn thiếu trình độ chuyên môn và am hiểu pháp luật (ví dụ: Nhân viên hợp đồng, giáo viên...); thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc mở sổ theo dõi việc tiếp công dân, nhiều nơi việc ghi chép cập nhật vào sổ theo dõi tiếp công dân rất sơ sài; việc phân loại đơn thư không rõ khiếu nại hay tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh, nhiều nơi cấp xã chưa bố trí địa điểm tiếp dân.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp

- Thực hiện đúng quy định của Bộ Chính trị và pháp luật về tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy và người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp. Bí thư, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tăng cường chỉ đạo, đôn đốc người đứng đầu các sở, ngành, quận, huyện, xã, phường, thị trấn thực hiện việc tiếp công dân định kỳ theo quy định, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, cấp bách.

Niêm yết công khai lịch tiếp công dân định kỳ của Bí thư, Chủ tịch UBND các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tại trụ sở tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) theo quy định; có biện pháp linh hoạt, phù hợp, hạn chế bố trí các lịch họp, lịch công tác trùng lịch tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu (ví dụ có nơi thống nhất ngày 20 hàng tháng là ngày tiếp dân định kỳ của Chủ tịch UBND huyện, tỉnh không triệu tập họp).

Bộ phận tham mưu phải chủ động đề xuất trình người đứng đầu quyết định lịch tiếp công dân định kỳ (trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm, dự kiến nội dung và thành phần tham dự; Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh có thể tổ chức tiếp chung với Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Việc tiếp công dân cần huy động, tập trung các ban, ngành để kịp thời xử lý dứt điểm các vụ việc cùng lúc khi công dân đến kiến nghị, phản ánh); dự báo tốt các tình huống, vận dụng đúng các quy định pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC, nhất là những vụ KNTC đông người, phức tạp, mức độ gay gắt.

Các ban, ngành, văn phòng phải phân công, bố trí cán bộ có trình độ, kiến thức giúp người đứng đầu tiếp dân, có khả năng phân tích để xác định, phân loại nhận dạng đúng xem đó là KNTC, hay kiến nghị, phản ánh và xác định vụ việc có đơn đang ở đâu, đã được cấp nào giải quyết để yêu cầu đúng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết; đơn đó có đủ điều kiện xử lý không.... Mỗi lần tiếp công dân đều ghi sổ theo dõi đơn và thông báo kết luận về việc tiếp dân, tránh tình trạng để người dân đi lại nhiều lần, đơn chuyển lòng vòng không đến đúng người có thẩm quyền giải quyết.

- Người đứng đầu phải thấy được bản chất vụ việc, có khả năng giải thích, thuyết phục người dân chấp hành pháp luật, rút đơn khiếu nại, nếu việc giải quyết trước đó đã có căn cứ, đúng pháp luật, hợp lý, hợp tình để người dân chấp hành. Bên cạnh đó, người đứng đầu phải có tác phong mẫu mực trong hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ trọng dân.

- Phân công, bố trí cán bộ, công chức có chuyên môn, năng lực, đã được đào tạo chuyên ngành pháp luật làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư; kịp thời khen thưởng, biểu dương những cán bộ, công chức có nhiều sáng kiến trong công tác tiếp dân, giải quyết KNTC; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, kiên quyết xử lý trách nhiệm người mắc sai phạm (có nơi Trưởng Ban Tiếp công dân không báo cáo Chủ tịch UBND để giải quyết đơn tố cáo).

- Rà soát, nâng cấp bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất của trụ sở tiếp công dân các cấp, bố trí phòng tiếp công dân bảo đảm thuận tiện để người dân dễ tiếp cận, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các phòng, ban khác (có nơi để phòng tiếp dân ở tầng 3, xen kẽ với các phòng, ban khác); chuẩn hóa việc ghi chép sổ sách tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất; phân loại xử lý đơn thư chính xác, đầy đủ, đúng quy định. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và cập nhật Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về KNTC (do Thanh tra Chính phủ chủ trì)./.

Chú thích:

(1) Điều 12, 13, 15, Luật Tiếp công dân năm 2013.

(2) Điều 18 Luật Tiếp công dân năm 2013 và khoản 2, Điều 4 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 15/8/2014 của Chính phủ.

Quảng Ninh:

Chủ động và quyết liệt trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Điệp Văn Chiến
Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ninh

TP Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC), trong 06 tháng đầu năm 2020, UBND tỉnh Quảng Ninh đã tập trung chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả các mặt công tác này, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

Năm 2020 là năm diễn ra Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục tập trung phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, dịch vụ, du lịch. Đồng thời, triển khai thực hiện nhiều dự án, công trình quan trọng, động lực và các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong quá trình thực hiện các dự án, hầu hết đều phải tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều hộ dân, tổ chức, dễ dẫn đến phát sinh kiến nghị, KNTC của công dân. Ngoài ra, công dân khiếu nại vượt cấp và khởi kiện tại Tòa án nhân dân các cấp sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 có xu hướng tăng; vẫn còn tình trạng người dân cố tình không chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại... Vì vậy, tình hình KNTC trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh vẫn còn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, đặc biệt trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, giải phóng mặt bằng, tập trung chủ yếu tại một số địa phương như: Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái, Vân Đồn, Quảng Yên, Đông Triều. Bên cạnh đó, trong những tháng đầu năm 2020, sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trên địa bàn toàn tỉnh.

Bám sát các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và tỉnh, đặc biệt là các chỉ đạo trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC phục vụ việc tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, qua đó, góp phần bảo đảm ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phục vụ việc tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026...

Tình hình KNTC có chiều hướng giảm song vẫn còn phức tạp

Trong 6 tháng đầu năm 2020, tình hình KNTC đã có chiều hướng giảm về số vụ việc và số đoàn đông người so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Số lượng đơn thư tố cáo có chiều hướng tăng ở các cấp, chủ yếu là các đơn tố cáo xuất phát từ việc công dân khiếu nại không thành dẫn đến tố cáo cán bộ trong công tác phê duyệt hồ sơ đền bù, giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tố cáo một số hành vi vi phạm khác của cán bộ cấp xã, cấp huyện. Cụ thể:

Về kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư, trong 6 tháng đầu năm 2020, các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong tỉnh đã tiếp 4.423 lượt công dân (giảm 13,27%), với 2.420 vụ việc (giảm 18,24%); có 66 đoàn đông người (giảm 45,45%), với 65 vụ việc công dân đến KNTC, kiến nghị, phản ánh (giảm 47,15% so với cùng kỳ năm 2019). Tổng số đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận, xử lý là 5.478 đơn (giảm 19,17%) so với cùng kỳ năm 2019. Qua phân loại, đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp là 201 đơn khiếu nại (giảm 37,5%), 36 đơn tố cáo (tăng 111,7% so với cùng kỳ năm 2019). Còn lại là các đơn kiến nghị, đơn phản ánh, đơn trùng lặp nội dung, đơn nặc danh hoặc đơn không rõ nội dung và địa chỉ của người KNTC.

Về kết quả giải quyết khiếu nại, trong 06 tháng đầu năm 2020, tổng số vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND các cấp là 300 vụ việc, có 99 vụ việc từ kỳ trước chuyển sang, (giảm 31,97%), trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 11 vụ việc; cấp huyện: 181 vụ việc; cấp tỉnh: 108 vụ việc. Đã giải quyết được 205/300 vụ việc, đạt 68,33% (tỷ lệ giải quyết tương đương so với cùng kỳ 2019 là 68%). Trong đó, khiếu nại đúng 13 vụ việc, chiếm 6,34%; khiếu nại sai 115 vụ việc, chiếm 56,09%; khiếu nại có đúng, có sai 18 vụ việc, chiếm 8,79%; 42 vụ việc công dân xin rút đơn chiếm 20,49%; đình chỉ giải quyết và kiến nghị khác 17 vụ việc chiếm 8,29%. Trong kỳ, tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện là 72 quyết định, đã thực hiện được 39 quyết định. Trong đó, Thanh tra tỉnh theo dõi việc thực hiện 39 quyết định, trong kỳ các đơn vị đã thực hiện 07 quyết định. Các đơn vị, địa phương theo dõi việc thực hiện 33 quyết định, trong kỳ đã thực hiện 32 quyết định. Trong đó, phải lập phương án bổ sung bồi thường cho công dân 1.181 triệu đồng, hiện đang trong quá trình thực hiện.

Về kết quả giải quyết tố cáo, số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp là 37 vụ việc (01 vụ việc từ năm 2019 chuyển sang), trong đó thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 04 vụ việc; cấp huyện: 24 vụ việc; sở, ngành: 04 vụ việc; cấp tỉnh: 05 vụ việc. Đã giải quyết được 28/37 vụ việc, đạt 75,67% (thấp hơn cùng kỳ năm trước). Trong đó, tố cáo đúng: 02 vụ việc chiếm 7,15%, tố cáo sai: 06 vụ việc, chiếm 21,43%, tố cáo đúng một phần: 03 vụ việc, chiếm 10,71%, rút đơn: 11 vụ việc, chiếm 39,28%; kiến nghị đình chỉ giải quyết hoặc kiến nghị khác: 06 vụ việc, chiếm 21,43%. Tổng số quyết định, văn bản chỉ đạo giải quyết đơn tố cáo phải tổ chức thực hiện trong kỳ là: 05 văn bản, hiện vẫn đang trong quá trình theo dõi việc thực hiện của các đơn vị, địa phương.

Phát huy tính dân chủ, công khai và hiệu quả

Kết quả trên cho thấy, trong 06 tháng đầu năm 2020, nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức và của cả hệ thống chính trị của địa phương trong việc triển khai nhiệm vụ công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trên địa bàn đã được nâng lên. Ở cấp tỉnh và nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh, người đứng đầu cấp ủy đã trực tiếp tiếp công dân đúng theo tinh thần chỉ đạo của Quy định 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị *"về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy*

trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân". Quá trình giải quyết đã thực sự quan tâm đến quyền lợi của công dân bằng nhiều hình thức tiếp cận, giải quyết thỏa đáng, có tình, có lý; đã nghiêm túc thực hiện tiếp công dân định kỳ và đột xuất, tạo chuyển biến căn bản, thực chất trong công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC của người đứng đầu và đội ngũ công chức làm công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC của địa phương. Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương đã tăng cường công tác gặp gỡ, đối thoại với người dân trong giải quyết KNTC, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp. Việc trao đổi thông tin giữa các ngành với địa phương được thực hiện thường xuyên tạo hiệu quả cao trong công tác phối hợp giải quyết đơn thư.

Đáng chú ý, các cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND cấp tỉnh, cấp huyện đã có nhiều đổi mới trong phương pháp, cách thức làm việc với công dân, với mục tiêu tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công dân. Đặc biệt, trong một số trường hợp khi giải quyết đơn thư của công dân còn bị chậm về mặt thời gian, cơ quan có thẩm quyền đã có văn bản xin lỗi gửi tới công dân. Nội dung này đã đem lại hiệu quả tốt trong công tác giải quyết đơn thư KNTC nửa đầu năm 2020 với tỷ lệ vụ việc công dân rút đơn cao hơn so với cùng kỳ các năm gần đây. Ngoài ra, việc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật và các văn bản chỉ đạo về giải quyết KNTC của cấp trên đã có chuyển biến tốt về thời gian, đặc biệt ở một số địa phương có nhiều đơn thư như Hạ Long, Uông Bí.

Với sự chủ động và tích cực trong việc tham gia vào các hoạt động tiếp công dân, giải quyết KNTC, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đã gắn chương trình công tác năm 2020 của mình với hoạt động tiếp công dân và giải quyết KNTC, kiến nghị của chính quyền, tích cực giám sát, phản biện, giúp nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết KNTC của các cấp chính quyền ngày càng dân chủ, công khai và hiệu quả. Các đoàn thể như Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn đã chủ động gặp gỡ, phối hợp với Thanh tra tỉnh, Ban Tiếp công dân tỉnh để tiếp nhận nghiên cứu, tham gia ý kiến giải quyết các vụ việc khiếu nại, kiến nghị của công dân.

Công tác tuyên truyền các vụ việc KNTC tiếp tục được duy trì và gắn với thực tiễn. Ban Dân vận Tỉnh ủy, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã quan tâm chỉ đạo, thực hiện công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như lồng ghép trong các văn bản chỉ đạo và đưa các chương trình trao đổi nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các đối tượng là cán bộ lãnh đạo cấp xã, phường, phòng ban cấp huyện.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC của tỉnh Quảng Ninh trong 06 tháng đầu năm vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị nơi tiếp công dân ở cấp xã có nơi còn chưa có sự quan tâm đúng mức. Nhiều địa phương số công dân đến Trụ sở Tiếp công dân cấp huyện không nhiều, nhưng vẫn có đơn thư gửi vượt cấp hoặc công dân đến Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh để phản ánh, khiếu nại. Hệ thống sổ sách ghi chép việc tiếp công dân, giải quyết đơn thư ở nhiều xã, phường, thị trấn chưa được trang bị đồng bộ, ghi chép sơ sài, thiếu thông tin về kết quả giải quyết ảnh hưởng đến công tác đánh giá tình hình và cập nhật kết quả lãnh đạo, chỉ đạo nói chung. Mặt khác, hệ thống chính trị cấp cơ sở còn có nơi, có đơn vị chưa coi trọng nhiều đến công tác tuyên truyền, vận động người dân trong quá trình giải quyết KNTC, giải quyết chưa triệt để. Vẫn còn tình trạng công chức tiếp công dân ở một số đơn vị cấp huyện và cấp xã không nắm rõ quy định và trình tự tiếp công dân, chưa hiểu hết về nhiệm vụ tiếp công dân và không rõ về quy trình giải quyết KNTC. Do vậy, đã xuất hiện hiện tượng công dân đến Trụ sở Tiếp công dân cấp tỉnh mà chưa qua cấp xã, cấp huyện.

Những tồn tại, hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cả về mặt khách quan và chủ quan. Về khách quan, là do cơ chế, chính sách liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC còn bất cập, chưa đồng bộ, quy định pháp luật, nhất là lĩnh vực đất đai phức tạp, nhiều thay đổi, còn nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình vận dụng các quy định. Một số vụ việc đã được kiểm tra, rà soát nhiều lần, UBND tỉnh đã chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị tỉnh, các ban Đảng và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối thoại ra thông báo chấm dứt theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, tuy nhiên, đến nay công dân vẫn không chấp hành và thường xuyên xuất hiện tại nơi tiếp công dân tỉnh và ngày tiếp dân định kỳ hoặc thời điểm diễn ra các sự kiện lớn của đất nước. Đặc biệt, diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trong nửa đầu năm 2020 đã ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ giải quyết đơn thư của các cấp do phải dừng hoạt động xác minh, đối thoại một thời gian để đảm bảo công tác phòng, chống dịch.

Về nguyên nhân chủ quan, trước tiên phải kể đến việc một số địa phương, chủ tịch UBND cấp huyện chưa thật sự coi trọng đầy đủ và quan tâm đúng mức công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, có tâm lý ỷ nại cấp trên, đặc biệt là trong giải quyết các vụ việc tập trung đông người, những thời điểm công dân khiếu kiện vượt cấp lên tỉnh và lên Trung ương. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC tại một số địa phương, đơn vị còn hạn chế; ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ chưa cao; tinh thần, thái độ công chức trong giải quyết các thủ tục hành chính còn gây ức chế cho người dân và doanh nghiệp; công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực còn tồn tại thiếu sót; việc tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật trong Nhân dân chưa thật sự hiệu quả, đặc biệt là những quy định liên quan đến đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, công khai quy hoạch đất đai, xây dựng, việc thực hiện và giám sát thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Quyết liệt, đồng bộ trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC

Để công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC đi vào nền nếp, đạt hiệu quả, trong 06 tháng cuối năm 2020, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của cả bộ máy hành chính và luôn xác định công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là trách nhiệm đối với Nhân dân. Tất cả các KNTC có đủ điều kiện xác minh theo quy định phải được giải quyết với tinh thần trách nhiệm cao, đúng pháp luật và từ cấp cơ sở; coi kết quả tiếp công dân, giải quyết KNTC là tiêu chí đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cấp chính quyền, của người có thẩm quyền và trách nhiệm. Mặt khác, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, thủ trưởng các cơ quan quản lý Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp tiếp công dân và đối thoại với người dân trong quá trình giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh, giải quyết dứt điểm các vụ việc đơn thư khiếu nại phức tạp, kéo dài.

Đặc biệt, người làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC cần đặt mình vào vị trí của người dân để có biện pháp giải quyết vừa đúng với quy định của pháp luật, vừa sát với thực tiễn đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, tăng cường công tác phối hợp nắm tình hình, có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả đối với những vụ việc KNTC phức tạp, tồn đọng, kéo dài; tiếp tục bám sát các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy để lãnh đạo việc tuyên truyền, vận động người KNTC, kiến nghị hiểu rõ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các vụ việc đã được các cấp chính quyền quan tâm nhiều lần giải quyết, trong đó tỉnh đã áp dụng nhiều cơ chế, chính sách để giải quyết theo hướng có lợi cho người dân để tạo sự đồng thuận trong xã hội. Đối với các vụ việc mới phát sinh cần xây dựng kế hoạch giải quyết dứt điểm ngay từ khi phát hiện nhằm đảm bảo tình hình an ninh chính trị địa phương, phục vụ Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết KNTC, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trong tỉnh phải thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất, gắn việc tiếp công dân với việc giải quyết KNTC. Quan tâm củng cố, kiện toàn bộ máy, bố trí người làm công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo hướng chuyên nghiệp, phải am hiểu chính sách, pháp luật, phải có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy, tôn trọng Nhân dân, lắng nghe, tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền KNTC. Nhà nước bảo đảm quyền KNTC của công dân, nhưng kiên quyết xử lý những người lợi dụng quyền KNTC gây rối an ninh, trật tự, chống người thi hành công vụ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích chính đáng của công dân.

Đặc biệt, công tác thông tin, tuyên truyền về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC là một trong những nhiệm vụ quan trọng cần được tập trung đẩy mạnh. Các cơ quan truyền thông cần đổi mới, nâng cao chất lượng, sắp xếp, tăng thời lượng chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC để dư luận hiểu đúng tình hình KNTC và việc giải quyết KNTC của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho người dân, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người KNTC, tránh sự lợi dụng của các phần tử xấu, qua đó hạn chế tỷ lệ KNTC sai, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nói riêng và trên cả nước nói chung./.

THĂM NGHĨA TRANG TRƯỜNG SƠN

Từ Hà Nội tôi đến thăm anh
Nghĩa trang Trường Sơn một chiều lộng gió
Anh yên nghỉ giữa mượt mà thảm cỏ
Thông reo bốn mùa nắng gió lao xao

Các anh nằm đây: Cùng một chiến hào
Chung ý chí của những người chiến thắng
Tuổi thanh xuân tự hào kiêu hãnh
Hiến dâng cuộc đời cho độc lập tự do

Người mẹ thương con lặng thầm bên mộ
Người vợ khóc chồng nghẹn ngào lệ nhỏ
Đồng đội thăm anh không nguôi nỗi nhớ
Bao bạn bè, đồng chí mãi đi xa...!

Tổ quốc đời đời nhớ ơn liệt sỹ
Gương sáng các anh năm tháng chẳng phai nhòa!

Lê Xuân Đạm

Vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nguyễn Thị Ngọc Xinh
Phó Chánh Văn phòng, Thanh tra tỉnh Cà Mau

Để hướng đến một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một xã hội công bằng dân chủ văn minh, một nền kinh tế minh bạch, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiệm vụ, vai trò chính trị cực kỳ quan trọng. Do đó, ngày 26/5/2014, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về vấn đề này.

Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhân dân là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội. Nhà nước phải đảm bảo và không ngừng phát huy quyền làm chủ mọi mặt của Nhân dân, nghiêm trị mọi hành vi xâm phạm lợi ích Tổ quốc và Nhân dân. Quyền khiếu nại, tố cáo liên quan chặt chẽ với các quyền và nghĩa vụ cơ bản khác của công dân, là quyền dân chủ trực tiếp và là một nội dung quan trọng của chế định dân chủ xã hội chủ nghĩa để công dân thông qua đó tích cực tham gia vào việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Tiếp công dân nhằm mục đích tiếp nhận các thông tin, kiến nghị, phản ánh, góp ý những vấn đề liên quan đến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, công tác quản lý của cơ quan, đơn vị. Việc tiếp công dân sẽ giúp cho công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành một cách hiệu quả. Bởi vì, tiếp công dân là điểm khởi đầu, là một trong những khâu quan trọng của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đồng thời hướng dẫn công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật, đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết, khắc phục những hạn chế bất cập trong việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân. Qua đó, tuyên truyền, giáo dục đối với quần chúng Nhân dân nhằm nâng cao ý thức pháp luật nói chung, pháp luật khiếu nại, tố cáo của công dân nói riêng.

Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tiếp công dân đột xuất nhằm giải quyết một vụ tranh chấp đất đai

Có thể thấy, qua công tác tiếp công dân giúp các cơ quan kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân về cơ chế, chính sách, đời sống dân sinh. Những kiến nghị, phản ánh từ thực tiễn xã hội sẽ là cơ sở giúp cho các cơ quan có thẩm quyền phát hiện và tìm ra những bất cập tồn tại trong hoạt động tổ chức và quản lý. Từ đó, Nhà nước có thể đưa ra được những giải pháp để điều chỉnh sao cho phù hợp và mang lại hiệu quả cao. Ở khía cạnh này, việc tiếp công dân của các cơ quan Nhà nước đã trực tiếp giúp cơ quan Nhà nước nhận biết, tự sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm của mình, cho dù yêu cầu của công dân có được đáp ứng hay không. Tạo điều kiện để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kịp thời phát hiện, xác minh, xử lý hành vi trái pháp luật, đảm bảo trật tự, kỷ cương xã hội, phát huy quyền của Nhân dân.

Tiếp công dân thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với Nhân dân, tác động tích cực đến tình cảm, thái độ của người dân, củng cố niềm tin của người dân vào chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; khơi dậy tiềm năng, trí tuệ của Nhân dân vào các nhiệm vụ chính trị chung của Đảng và Nhà nước thông qua việc thu thập được những thông tin, phản hồi về những vấn đề phát sinh trong cuộc sống, từ đó đề ra những chính sách, chủ trương, quyết định đúng đắn, hợp lòng dân.

Trong thời gian qua, công tác tiếp công dân đã đạt được những thành tựu đáng kể. Thông qua tiếp công dân, nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết. Việc tiếp công dân đã đáp ứng được phần lớn yêu cầu của người dân, hướng tới Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng nỗ lực trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nên tình hình khiếu kiện có nhiều chuyển biến tích cực. Việc giải quyết tranh chấp trong nội bộ Nhân dân và giữa người dân với cơ quan Nhà nước được tiến hành đúng pháp luật, kỷ cương và có hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân.

Tuy nhiên, thời gian gần đây tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân diễn biến phức tạp, tình trạng khiếu kiện đông người vượt cấp tiếp tục gia tăng, phát sinh nhiều điểm nóng gây mất ổn định xã hội. Phần lớn những khiếu kiện của công dân liên quan đến đất đai. Ngoài ra, công tác tiếp công dân ở các cấp, các ngành trong thời gian qua còn một số hạn chế, bất cập làm ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng tiếp công dân, thể hiện trên nhiều mặt: Bất cập về thể chế, tổ chức và quản lý công tác tiếp công dân, việc phối kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với các cơ quan Đảng, đoàn thể còn gặp nhiều khó khăn, đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác tiếp công dân, cơ sở vật chất… Các hạn chế này đang là rào cản cần sớm có giải pháp khắc phục.

Đối với tỉnh Cà Mau, các cấp, các ngành trong tỉnh luôn xác định công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản số 10/KH-UBND ngày 16/01/2020 về kế hoạch tiếp công dân năm 2020 để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh cùng với sự nỗ lực và sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp và các cơ quan liên quan, hoạt động tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân có nhiều chuyển biến tích cực. Số đoàn đông người đã giảm so với năm trước, không có phát sinh vụ việc mới mà chủ yếu các vụ việc trước đây có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật và đã thực hiện các chính sách hỗ trợ.

Về công tác tiếp công dân, toàn tỉnh Cà Mau trong quý I năm 2020, đã tổ chức tiếp 576 lượt công dân với 677 người, 532 vụ việc (cũ 101 vụ, mới 431 vụ), 04 đoàn đông người với 46 người, 04 vụ việc (cũ 02 vụ, mới 02 vụ). Nội dung tiếp công dân gồm nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng chủ yếu là tranh chấp đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, khiếu nại quyết định hành chính.

Về tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tỉnh đã tiếp nhận 512 đơn (tiếp nhận trong kỳ 403 đơn, kỳ trước chuyển sang 109 đơn), đơn đủ điều kiện xử lý là 399 đơn. Kết quả chuyển đến cơ quan có thẩm quyền 268 đơn, văn bản hướng dẫn 20 đơn, đôn đốc giải quyết 01 đơn, thuộc thẩm quyền 110 đơn (khiếu nại 88 đơn, tố cáo 22 đơn).

Đối với kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đã giải quyết 39/88 vụ khiếu nại, 10/22 vụ tố cáo. Kết quả, tố cáo sai 09 vụ, tố cáo đúng một phần 01 vụ.

Qua số liệu báo cáo cho thấy, có các nhóm vụ việc khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng thuộc loại như sau: Vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết, đúng quy định thấu tình, đạt lý nhưng đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên tục có đơn khiếu nại, công dân có đơn tố cáo; vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết đúng quy định thấu tình đạt lý, lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền cấp trên đã chỉ đạo thực hiện đúng quy định pháp luật nhưng chưa được các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng, chưa đầy đủ hoặc có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện... dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo bức xúc, tồn đọng, kéo dài; vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài do trước đây giải quyết chưa đúng với quy định của pháp luật; vụ việc đương sự gửi nhiều đơn khiếu nại, tố cáo nhưng không được giải quyết, mặc dù đã hết thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Những bất cập trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo hầu như địa phương nào cũng giống nhau ở một vài đặc điểm như: Các cơ quan cấp trên chưa sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những văn bản chưa phù hợp, lỗi thời để phù hợp với tình hình thực tế. Việc bố trí nơi tiếp công dân, phòng tiếp công dân của một số cơ quan, sở, ngành các cấp chưa thật sự thuận tiện cho người dân. Nội quy tiếp công dân được niêm yết ở vị trí khó quan sát; nhiều nơi thậm chí không có phòng tiếp công dân theo quy định. Công tác lưu trữ hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ tiếp công dân còn chưa khoa học, thiếu chặt chẽ, lưu trữ không đầy đủ hoặc bị thất lạc. Bố trí cán bộ tiếp công dân có nơi chưa phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, dẫn đến chất lượng phân loại xử lý đơn thư chưa đúng, nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo nhưng phân loại là đơn kiến nghị phản ánh, từ đó áp dụng quy trình giải quyết sai, xếp lưu đơn không nghiên cứu, không ban hành thông báo giải quyết, dẫn đến công dân bức xúc khiếu nại vượt cấp.

Để xảy ra hiện tượng công dân đến khiếu nại, tố cáo vượt cấp và nhiều lần, chính là do công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở (phường, xã) không được xem trọng, cán bộ phụ trách không đúng hoặc không có chuyên môn, trong khi đây là "tuyến đầu" trong giải quyết khúc mắc, tranh chấp dẫn đến khiếu nại, tố cáo. Để đảm bảo ổn định trật tự xã hội, việc giải quyết dứt điểm khiếu nại, tố cáo sẽ làm giảm bức xúc trong xã hội, không để những

công dân có khiếu nại, tố cáo chậm được giải quyết liên kết với nhau thành những đám đông, tập trung khiếu kiện, gây bất ổn, tạo thành những mảng xấu trong bức tranh đời sống xã hội, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế; không để khiếu nại, tố cáo trở thành "điểm nóng", gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Từ những cơ sở trên cho thấy, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo trật tự xã hội. Do đó, cần nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ công chức làm công tác tiếp dân, bố trí công chức có năng lực, tâm huyết, trách nhiệm để làm công tác tham mưu thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật; không để xảy ra sai phạm dẫn đến khiếu nại, tố cáo. Đối với các dự án xây dựng do Nhà nước là chủ đầu tư có thu hồi đất, dự án tái định cư... phải có kế hoạch đền bù một cách công khai, minh bạch, công bằng và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sai sót làm mất lòng tin của Nhân dân.

Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật như: Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Đất đai… đến các tầng lớp Nhân dân; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giải quyết khiếu nại, tố cáo phù hợp với chủ trương cải cách hành chính. Tăng cường công tác phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực tế cho thấy, để giải quyết dứt điểm, thấu tình, đạt lý một số vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài trong thời gian qua luôn cần phải có sự phối hợp giải quyết của nhiều ban, ngành, đoàn thể. Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan, đơn vị…

Trong thời gian tới, cần kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thiếu trách nhiệm trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bên cạnh đó, kịp thời khen thưởng, biểu dương đối với các tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, nhân rộng điển hình, nêu gương tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc. Cần nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, nhất là ở những nơi để xảy ra khiếu nại, tố cáo dai dẳng, đông người, vượt cấp lên thành phố, Trung ương, tạo thành điểm nóng chính trị, xã hội. Mặt khác, cần củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tạo điều kiện cho họ học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo đầy đủ về kỹ năng công tác, phẩm chất đạo đức.

Có thể khẳng định, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là hoạt động hết sức quan trọng. Đảng và Nhà nước, cán bộ, công chức tiếp nhận, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, giải đáp kịp thời những vướng mắc trong Nhân dân, góp phần làm yên lòng dân. Đồng thời, thông qua công tác tiếp dân, các cơ quan của Đảng và Nhà nước sẽ kịp thời đánh giá việc thực hiện chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc tổ chức tốt công tác tiếp dân góp phần quan trọng hạn chế khiếu nại, tố cáo phát sinh, tràn lan, vượt cấp, qua đó còn có ý nghĩa giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, ngăn chặn và phòng ngừa vi phạm pháp luật./.

BÀI THƠ THÁNG BẢY

(Tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ, ngày 27/7)

Tôi viết bài thơ tháng Bảy
Lòng vui, buồn nhớ bạn ta xưa
Chiến trường Trường Sơn một thời đạn lửa
Sốt rét nghiêng rừng, cháo bẹ, canh măng!

Nhớ lại thời gian nan là thế
Đêm hành quân: Mưa nguồn, chớp bể
Vượt cung đường đạn nổ, bom rơi
Tuổi trẻ hy sinh cho hạnh phúc con người

Anh ngã xuống một ngày tháng Bảy
Tôi vuốt mắt anh, không nói lên lời
Anh hiến dâng cho đời tất cả
Cho Tổ quốc hòa bình - độc lập - tự do

Tôi viết bài thơ tháng Bảy
Nhớ bạn bè, đồng đội mãi đi xa
Con cháu đời đời nhớ ơn liệt sỹ
Gương sáng các anh năm tháng chẳng phai nhòa!

Lê Hồng Điệp

Sử dụng tình huống trong giảng dạy CHUYÊN ĐỀ "NGHIỆP VỤ VÀ KỸ NĂNG TIẾP CÔNG DÂN" để nâng cao chất lượng bài giảng

Ths. Đặng Thùy Trâm

Phó Trưởng phòng Hành chính tổ chức, Trường Cán bộ Thanh tra

Quang cảnh hoạt động giảng dạy và học tập tại Lớp Nghiệp vụ Thanh tra viên K7.2020, tháng 6/2020. *Ảnh: K. Dung*

Với Chuyên đề "Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân" trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên, khi giảng dạy, giảng viên cần đảm bảo những yêu cầu về mục tiêu của chuyên đề. Trong đó, về kiến thức, cần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Về kỹ năng, giúp học viên biết một số kỹ năng cơ bản khi tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Qua đó, vận dụng được vào hoạt động nghề nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ công vụ được giao tại đơn vị như: Kỹ năng tổ chức buổi tiếp; Kỹ năng giao tiếp trong hoạt động tiếp công dân; Kỹ năng nghe, hỏi, ghi chép và tiếp nhận thông tin tài liệu.

Từ những yêu cầu nêu trên, ngoài việc truyền đạt những nội dung lý luận nghiệp vụ, đòi hỏi giảng viên phải sử dụng và khai thác những tình huống thực tế phù hợp với nội dung kiến thức của bài học, qua đó, giúp học viên chủ động và tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập. Các học viên được giao bài tập nghiên cứu, sau đó sẽ trao đổi, thảo luận với các học viên khác và với giảng viên, cũng như có thể đóng góp ý kiến với đồng nghiệp, học viên khác, tổ nhóm khác về những vấn đề liên quan tới những nội dung của tình huống nghiên cứu.

Cách thức triển khai tình huống trên lớp hiện nay của giảng viên giảng dạy Chuyên đề "Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân"

Bước 1: Giảng viên cung cấp kiến thức lý thuyết theo quy trình tiếp công dân sau đó vận dụng để xử lý tình huống nghiệp vụ

Sau khi đã được cung cấp các kiến thức lý thuyết, một bài tập tình huống sẽ giúp học viên có cái nhìn sâu và thực tiễn hơn về vấn đề lý thuyết đã được học. Thông qua việc xử lý tình huống, học viên sẽ có

điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết.

Bước 2: Giao bài tập tình huống cho học viên

Học viên phải chủ động tìm kiếm và phân tích các thông tin để đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Từ đó nhận diện ra các vấn đề có liên quan cần được ứng dụng như thế nào trong quá trình tác nghiệp thực thi nhiệm vụ công vụ, nâng cao kỹ năng làm việc, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề. Để giải quyết tình huống, học viên được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc theo tổ/nhóm nhằm phân tích và đưa ra ý kiến thảo luận, sau đó trình bày giải pháp của mình/tổ/nhóm mình trước lớp.

Bước 3: Giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống

Giảng viên - trong vai trò của người dẫn dắt - cũng sẽ tiếp thu được rất nhiều kinh nghiệm và những cách nhìn/giải pháp mới từ phía học viên để làm phong phú bài giảng và điều chỉnh nội dung tình huống nghiên cứu. Đây cũng là một kênh quan trọng để giảng viên thu thập kinh nghiệm từ các học viên, đặc biệt là những học viên đã có quá trình công tác lâu dài trong ngành.

Học viên giới thiệu và bảo vệ phương án giải quyết (báo cáo thảo luận)

Bước 4: Tổng kết rút kinh nghiệm

Việc sử dụng tình huống trong giảng dạy Chuyên đề "Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân"

Đối với nội dung chuyên đề "*Nghiệp vụ và kỹ năng tiếp công dân*", giảng viên lựa chọn phần kiến thức giảng dạy trong chuyên đề để thực hiện việc giao bài tập tình huống cho học viên. Xác định nội dung cần phải sử dụng tình huống để minh họa giúp người học dễ nhớ, dễ hiểu, dễ vận dụng trong hoạt động nghề nghiệp của mình tại cơ quan, đơn vị. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với phần 1: Quy trình chung về tiếp công dân

Quy trình tiếp công dân được thực hiện qua các công việc cụ thể sau:

- Tiếp xúc ban đầu với công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Xác định nhân thân, tính hợp pháp của người đại diện theo quy định pháp luật khi đến nơi tiếp công dân để thực hiện quyền khiếu nại, quyền tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh.

- Nghe, ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Tiếp nhận các thông tin, tài liệu.

- Phân loại, xử lý đối với khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (Sơ đồ 1)

Với nội dung kiến thức được xác định cần truyền đạt như trên, giảng viên lựa chọn phương pháp thuyết trình có xây dựng các ví dụ minh họa, không thực hiện phương pháp sử dụng tình huống đối với nội dung này của chuyên đề.

Thứ hai, đối với phần 2: Kỹ năng tiếp công dân

Giảng viên xác định rõ nội dung kiến thức cần truyền đạt, cụ thể hoạt động tiếp công dân, gồm: Giai đoạn tiếp xúc ban đầu; Tiếp người đến khiếu nại; Tiếp người đến tố cáo; Tiếp người đến kiến nghị, phản ánh.

Việc giảng dạy phần 2, giảng viên lựa chọn phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống.

Tuy nhiên, tùy từng nội dung của bài học mà giảng viên lựa chọn cách thức sử dụng tình huống để thực hiện như đối với nội dung kiến thức ở giai đoạn tiếp xúc ban đầu, giảng viên cần thực hiện các công việc như sau:

Bước 1: Ở giai đoạn tiếp xúc ban đầu, giảng viên xác định nội dung kiến thức cần đạt là:

- Cán bộ tiếp công dân xác định được mục đích của buổi tiếp công dân, tìm hiểu về đối tượng công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Cần có thái độ, tác phong, cử chỉ, lời nói lịch sự, nhã nhặn, bình tĩnh, khiêm tốn, đúng mực ngay từ khi tiếp xúc ban đầu với công dân, cũng như trong suốt quá trình tiếp công dân.

- Thiết lập tâm lý giao tiếp ban đầu giữa cán bộ tiếp công dân và công dân: Cán bộ tiếp công dân cần sử dụng những kỹ năng giao tiếp để tìm ra nội dung cần giao tiếp, cần trao đổi với công dân đồng thời duy trì cuộc giao tiếp, xác định được nội dung, yêu cầu, nguyện vọng của công dân để sử dụng các phương tiện ngôn ngữ cho phù hợp, đạt được mục đích của buổi tiếp công dân

- Cán bộ tiếp công dân yêu cầu công dân xuất trình giấy tờ tùy thân như: Giấy chứng minh nhân dân, giấy giới thiệu, giấy ủy quyền (nếu cần)... và tiến hành các thủ tục kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ đó cũng như ghi chép, phản ánh vào sổ tiếp công dân các thông tin cơ bản về nhân thân của người được tiếp.

- Với nội dung kiến thức của bài học như vậy, giảng viên lựa chọn một tình huống minh họa cho việc cán bộ tiếp công dân cần xác định được những kỹ năng trong giai đoạn tiếp xúc ban đầu với công dân để từ đó có thể vận dụng vào thực tế trong hoạt động nghề nghiệp của mình, đồng thời biết lựa chọn hình thức giao tiếp ban đầu phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, đối tượng tiếp xúc...

Bước 2: Giao bài tập tình huống cho học viên

Ở giai đoạn này giảng viên chỉ vận dụng tình huống minh họa để học viên nhận diện kỹ năng tiếp công dân trong giai đoạn tiếp xúc ban đầu với công dân.Ví dụ:

Tình huống:

Vào hồi 15h00, thời tiết oi bức, nắng nóng, nhiệt độ khi đó gần 40^{0}C, 4 ông cụ bước vào trụ sở tiếp công dân tỉnh X, đứng giữa phòng. Cuộc đối thoại giữa cán bộ tiếp công dân và các cụ:

- Ai là người to nhất ở đây? Các cụ nói to.

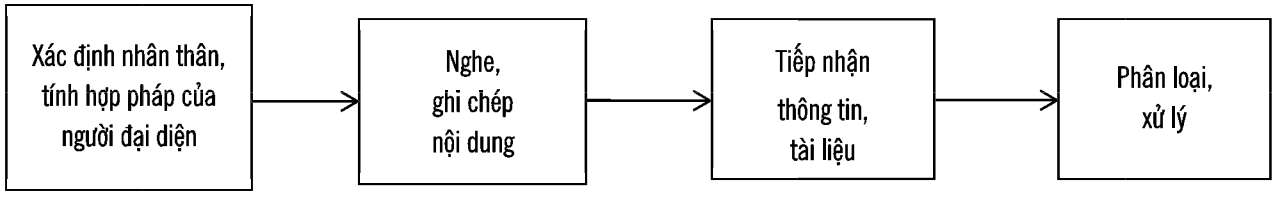

(Sơ đồ 1)

+ Mời các cụ lấy số thứ tự và ngồi chờ đến lượt, cán bộ tiếp công dân nói.

- Chúng tao hỏi ai là người to nhất ở đây?

Với vai trò cán bộ tiếp công dân, anh/chị định hướng cách xử lý tình huống này?

Bước 3: Giải quyết vấn đề đặt ra trong tình huống.

- Học viên phải nhận diện được vấn đề, phân tích các thông tin trong tình huống để đưa ra giải pháp tối ưu cho hoạt động nghề nghiệp sau này.

- Giảng viên gọi ít nhất 02 học viên, ở 02 lứa tuổi khác nhau trong lớp học để đưa ra ý kiến của mình trong việc giải quyết tình huống.

- Các ý kiến khác so với 02 ý kiến đã nêu?

- Giảng viên là người phản biện, phân tích, so sánh cách xử lý tình huống của học viên.

Bước 4: Tổng kết, đánh giá nhận xét, rút kinh nghiệm

Với tình huống trên, đặt ra một vấn đề cán bộ tiếp công dân nên giao tiếp như thế nào cho phù hợp với chức trách nhiệm vụ được giao.

Phân tích tình huống:

Về phía công dân:

- Thời tiết nắng nóng làm trạng thái thể chất không thoải mái;

- Là người đi khiếu nại hoặc tố cáo, kiến nghị, phản ánh với tâm lý bức xúc, căng thẳng, chưa được giải tỏa, cảm thấy mình oan ức, không thỏa mãn với một hoặc một số vấn đề nào đó...

Về phía cán bộ tiếp công dân cần:

- Chú ý quan sát thái độ, hành động của công dân;

- Có thái độ tác phong làm việc chuẩn mực, cử chỉ, lời nói lịch sự;

- Tâm lý vững vàng, tự tin bình tĩnh, linh hoạt để xử lý tình huống;

- Khuyến khích công dân trình bày ý kiến, lắng nghe ý kiến của công dân và thực hiện quy trình tiếp công dân theo quy định.

Ở giai đoạn tiếp xúc ban đầu, cán bộ tiếp công dân cần thể hiện được thái độ quan tâm, thiện chí sẵn sàng phục vụ, niềm nở đón tiếp công dân thông qua cử chỉ, thái độ của người tiếp công dân như: Cách xưng hô, chào hỏi, qua nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, thiết lập được tâm lý giao tiếp ban đầu đúng mực, lịch sự, bình tĩnh, khách quan tạo tâm lý tốt cho người dân, giải tỏa được bức xúc, tạo môi trường tốt, tạo bầu không khí tốt tin cậy... Tránh dùng lời lẽ trống không, lạnh lùng, không nghiêm túc, tránh những xung đột tâm lý không cần thiết khi tiếp xúc với công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Như vậy, trong giai đoạn tiếp xúc với công dân, giảng viên chỉ vận dụng tình huống minh họa để làm ví dụ cho kiến thức cần truyền đạt nhằm giúp học viên xác định được mục đích giao tiếp, thiết lập được các mối quan hệ giao tiếp giữa cán bộ tiếp công dân với công dân. Điều quan trọng là trong quá trình làm việc, cần tránh sự xung đột trực diện không cần thiết, gây bức xúc cho công dân, hình thành tâm lý ấm ức, bí bách, không hợp tác, mất lòng tin của công dân đối với cơ quan Nhà nước, với cán bộ thực thi nhiệm vụ công vụ được giao.

Hiện nay, việc sử dụng tình huống trong giảng dạy đối với các chuyên đề trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên đang được học viên rất quan tâm đồng thời phù hợp với thực tiễn và yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của nhà trường. Vì vậy, rất cần thiết phải sử dụng các tình huống nghiệp vụ trong việc giảng dạy các chuyên đề quy trình và kỹ năng nói chung và Chuyên đề *"Nghiệp vụ và kỹ năng năng tiếp công dân"* nói riêng. Tuy nhiên, việc lựa chọn sử dụng tình huống trong giảng dạy hiện nay vẫn còn là vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, trao đổi./.

Đại ngàn và anh

Con đường xưa hun hút
Sỏi đá quen chân người
Hương rừng chiều mơ đắm
Cho lối về thênh thang

Dốc cao miền xanh thẳm
Tiếng chim chiều rưng rưng
Cánh hoa rừng hé nở
Gọi về những mênh mông

Chiếc gùi con cõng nắng
Giữa đại ngàn xa xôi
Dáng em về e ấp
Phía lưng đồi cheo leo

Suối reo miền ký ức
Cánh hoa rơi dịu dàng
Nụ cười em trong vắt
Rơi miền anh lặng thầm...

Kim Cương

Để tiến hành hiệu quả hoạt động thanh tra

Ths. Phạm Công Hiệp
Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

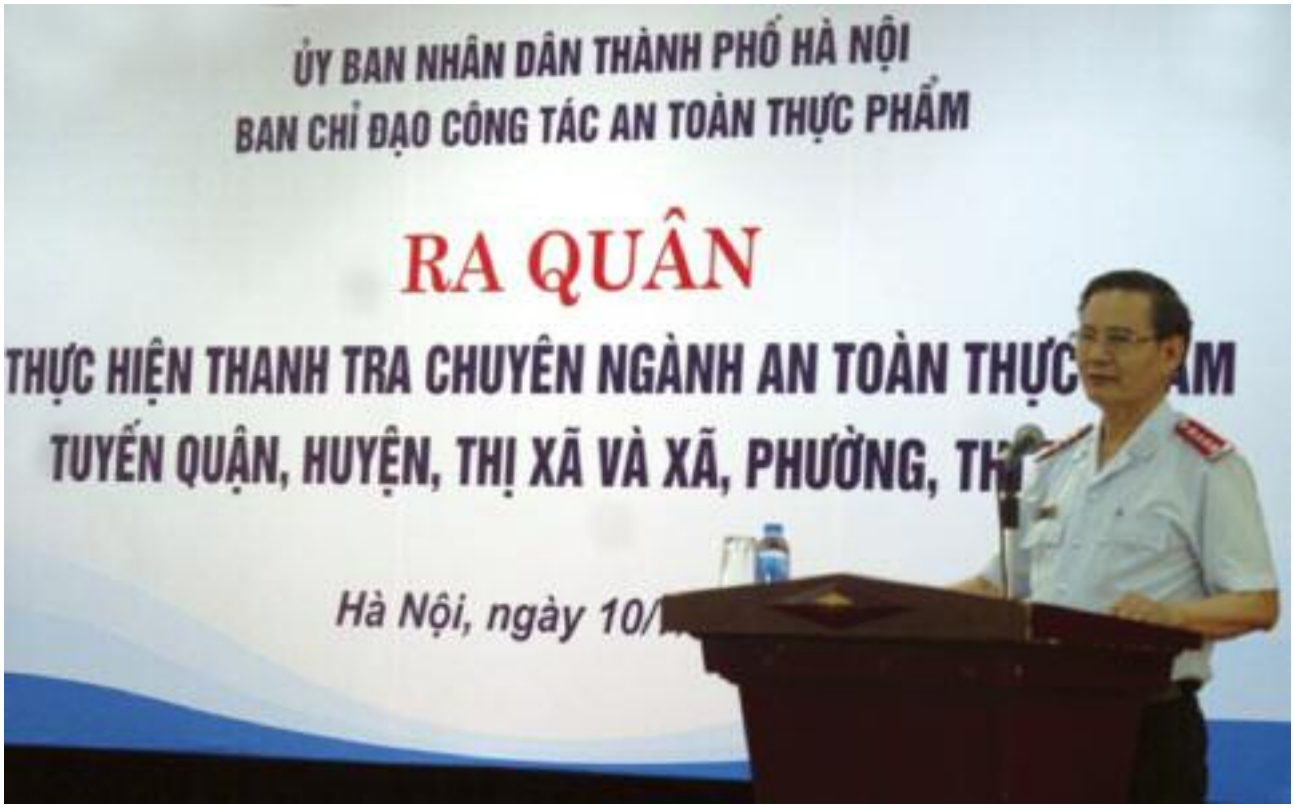

Ban Chỉ đạo Công tác an toàn thực phẩm Thành phố Hà Nội tổ chức ra quân thực hiện thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tuyến quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn, tháng 7/2019. *Ảnh: K. Dung*

Cùng với kiểm tra, thanh tra là một trong những chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước nói chung, quản lý Nhà nước thuộc các ngành, lĩnh vực nói riêng. Hoạt động thanh tra nhằm mục đích phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Để tiến hành hiệu quả hoạt động thanh tra, ngoài việc quan tâm thực hiện các yếu tố thuộc về kỹ thuật, nghiệp vụ, cần bổ sung, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho hoạt động thanh tra.

1. Thực hiện kỹ thuật, nghiệp vụ trong thanh tra

Pháp luật thanh tra quy định khi tiến hành hoạt động thanh tra phải đảm bảo trình tự, thủ tục, nội dung của cuộc thanh tra. Các yếu tố này được xem là yếu tố thuộc về mặt kỹ thuật, nghiệp vụ có thể gọi là "yếu tố cứng" của hoạt động thanh tra. Để thực hiện tốt yêu cầu về mặt kỹ

thuật nghiệp vụ đòi hỏi chủ thể, đối tượng cần:

1.1. Nắm vững và tuân thủ quy trình tiến hành một cuộc thanh tra:

Theo Luật Thanh tra năm 2010, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành, Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra, thì việc tiến hành hoạt động thanh tra được thực hiện theo trình tự như sau:

***Bước 1: Chuẩn bị thanh tra**:* Ở bước này, chủ thể thanh tra tiến hành các nội dung công việc cụ thể, đó là khảo sát, nắm tình hình để lựa chọn đối tượng thanh tra, xác định nội dung cần được thanh tra; ra quyết định thanh tra; lập kế hoạch thanh tra; xây dựng đề cương yêu cầu báo cáo, danh mục tài liệu yêu cầu cung cấp; thông báo về việc công bố quyết định thanh tra. Mặc dù, đây là bước chuẩn bị nhưng lại có vai trò vô cùng quan trọng đối với việc tiến hành thanh tra. Chủ thể thanh tra cần quan tâm thực hiện công tác chuẩn bị thanh tra một cách cẩn thận, kỹ lưỡng trước khi tiến hành thanh tra, đặc biệt là việc chọn đối tượng, xác định nội dung thanh tra; chọn trưởng đoàn và thành viên đoàn thanh tra.

Bước 2: Tiến hành hoạt động thanh tra: Khi tiến hành thanh tra, chủ thể thanh tra thực hiện các nội dung công việc như: Công bố quyết định thanh tra; thu thập thông tin, tài liệu; kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu; nghiên cứu, phân tích, đối chiếu, so sánh thông tin, tài liệu để nhận xét, xử lý; lập biên bản làm việc; thực hiện việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra; gia hạn thời gian thanh tra; chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra (đối với các hành vi vi phạm pháp luật phải truy cứu trách nhiệm), giám sát hoạt động thanh tra.

Đây là bước chính trong tiến hành hoạt động thanh tra nên đòi hỏi cả chủ thể thanh tra, đối tượng được thanh tra, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung, đối tượng thanh tra phải tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong thanh tra nhằm đảm bảo phối hợp, thực hiện hiệu quả các nội dung công việc theo quyết định thanh tra, đảm bảo thời gian, tiến độ theo đúng kế hoạch.

Bước 3: Kết thúc việc thanh tra: Kết thúc hoạt động thanh tra khi thời hạn được nêu tại quyết định thanh tra đã hết hoặc hoàn thành nội dung công việc thanh tra. Ở bước này, chủ thể tiến hành cuộc thanh tra thông báo kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra; xây dựng báo cáo kết quả thanh tra; xây dựng dự thảo kết luận thanh tra; công khai kết luận thanh tra; lập, bàn giao, quản lý hồ sơ thanh tra; thực hiện kết luận thanh tra. Đối với nội dung kết thúc thanh tra còn bao hàm cả việc triển khai thực hiện kết luận thanh tra và giám sát việc thực hiện kết luận thanh tra. Do đó, cần nhận thức đầy đủ về công tác này để thực hiện nghiêm túc, trọn vẹn kết luận thanh tra.

1.2. Hiểu rõ cơ cấu tổ chức, nội dung, hình thức, nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra

Ngoài việc nắm vững và tuân thủ quy trình, để tiến hành hiệu quả hoạt động thanh tra cần nhận thức đầy đủ về cơ cấu tổ chức, nội dung, hình thức, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền trong thanh tra cụ thể theo bảng hệ thống dưới đây, bao gồm toàn bộ hệ thống văn bản liên quan đến từng vấn đề của nội dung thanh tra để làm căn cứ đối chiếu, đánh giá hoạt động của đối tượng thanh tra (Bảng 1).

2. Về yếu tố năng lực, kỹ năng nghiệp vụ trong thanh tra

Bên cạnh việc chấp hành, tuân thủ các yếu tố "cứng" thuộc về kỹ thuật, nghiệp vụ, công tác thanh tra chỉ đạt hiệu quả khi và chỉ khi các bên tham gia tiến hành hoạt động thanh tra có các kỹ năng cần thiết còn được gọi là yếu tố "mềm" được sử dụng thành thạo, linh hoạt, nhuần nhuyễn trong thanh tra. Các yếu tố này gồm:

2.1. Đối với chủ thể thanh tra

Với tư cách là người xem xét, đánh giá, đưa ra nhận xét, đề xuất biện pháp xử lý đối với đối tượng thanh tra trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, để thực hiện được điều này đòi hỏi chủ thể thanh tra cần có năng lực về nhận thức, kỹ năng và thái độ chuẩn mực để tiến hành hoạt động thanh tra.

Về năng lực nhận thức trong thanh tra: Trong tiến hành hoạt động thanh tra đòi hỏi có tính bắt buộc đối với chủ thể thanh tra phải thông hiểu vận dụng, áp dụng quy định của pháp luật vào thực tiễn hoạt động thanh tra. Ở nhóm năng lực này, chủ thể thanh tra cần nắm bắt, hiểu biết về thanh tra như khái niệm, mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, loại hình, hình thức thanh tra, hiểu biết thực hiện quy định pháp luật về thanh tra, thẩm quyền, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ trong thanh tra, có khả năng tham gia hoạt động thanh tra với tư cách chủ thể thanh tra và đối tượng được thanh tra.

Về kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động thanh tra: Được hiểu là sự khéo léo trong thực hiện năng lực vào thực tiễn, yêu cầu này đòi hỏi chủ thể thanh tra phải có các kỹ năng cụ thể theo từng nhiệm vụ trong tiến hành thanh tra.

Đối với người ký quyết định thanh tra: Phải có năng lực chọn lựa trưởng đoàn và xác định nội dung thanh tra. Việc chọn lựa trưởng đoàn phải là người có kinh nghiệm, có khả năng làm công tác thanh tra, am hiểu về nội dung thanh tra, có khả năng tập hợp thành viên, có kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong thanh tra. Kinh nghiệm cho thấy, có thể chọn chính người đề xuất nội dung thanh tra, người phụ trách

Đặc điểm	Hành chính	Chuyên ngành
Về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra	Khoản 1 Điều 4 Luật Thanh tra; Điều 6, 9, 12, 15, 18 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011	Khoản 2 Điều 4, Điều 29, Điều 30 Luật Thanh tra; Điều 32 Nghị định 86/2011/NĐ-CP và Điều 6, 7, 8, 9 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012
Về thẩm quyền, nội dung quyết định thanh tra	Điều 43, 44 Luật Thanh tra; Điều 19, 20 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011	Điều 51, Điều 52 Luật Thanh tra; Điều 14, 15 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012
Về hình thức thanh tra	Điều 37 Luật Thanh tra	Điều 37 Luật Thanh tra
Thời hạn thanh tra	Điều 45 Luật Thanh tra	Điều 16, 30 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012
Thành phần đoàn thanh tra	Điều 21 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011	Điều 17, 29 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012
Về nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động thanh tra	Điều 46, 47, 48 của Luật Thanh tra, Điều 51 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011	Điều 53, 54, 55 Luật Thanh tra, Điều 32 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 Điều 10, 11, 31 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012
Trình tự thủ tục thực hiện hoạt động thanh tra	Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 31 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011; Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 Thông tư số 05/2014/TT - TTCP ngày 16/10/2013 của Thanh tra Chính phủ	Điều 33 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 và Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 32 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012, Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 Thông tư số 05/2014/TT - TTCP ngày 16/10/2013 của Thanh tra Chính phủ
Quyền và trách nhiệm trong thanh tra của chủ thể thanh tra	- Quyền trong thanh tra: Điều 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 - Trách nhiệm trong thanh tra: Điều 70, 71, 73, 74 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011	- Quyền trong thanh tra: Điều 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 - Trách nhiệm trong thanh tra: Điều 39, 40, 41, 42 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012
Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra	- Quyền của đối tượng thanh tra: Điều 57 Luật Thanh tra - Nghĩa vụ của đối tượng: Điều 58 Luật Thanh tra	
Hồ sơ thanh tra	Điều 59 Luật Thanh tra, Điều 43 Nghị định 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011, Điều 4 Quy chế Lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo (ban hành kèm theo Quyết định số *2278 /2007/QĐ-TTCP ngày 24/10/2007 của Thanh tra Chính phủ).*	

(Bảng 1)

chuyên môn, nghiệp vụ gắn với nội dung thanh tra để làm trưởng đoàn. Việc chọn nội dung thanh tra nên lựa chọn những vấn đề dễ vướng mắc, phát sinh tiêu cực, hoặc khả năng triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, hạn chế, hoặc căn cứ theo yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

Đối với trưởng đoàn thanh tra: Phải là người có kinh nghiệm về công tác thanh tra, khéo léo trong giao tiếp, xử lý tình huống, có khả năng huy động tập hợp, phân công nhiệm vụ thành viên đoàn, có khả năng xây dựng kế hoạch thanh tra, báo cáo, danh mục tài liệu cung cấp gắn với nội dung thanh tra, có năng lực đánh giá thành viên để phân công nhiệm vụ theo năng lực, sở trường của từng thành viên đoàn, có khả năng tổng hợp, nhận xét, nhận định về việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

Đối với người làm công tác thư ký: Phải là người cẩn thận, chăm chỉ, khéo léo có khả năng tiết chế, có khả năng tổng hợp, viết báo cáo, kiểm tra tài liệu, số liệu.

Đối với thành viên đoàn thanh tra: Khi được phân công nhiệm vụ phải tích cực nghiên cứu, thu thập thông tin, tài liệu, quy định của pháp luật ngay từ công tác chuẩn bị thanh tra, khi tiến hành thanh tra phải luôn chủ động, linh hoạt trong công việc, có kỹ năng tổ chức công việc, tác nghiệp độc lập và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

Về kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong thanh tra: Là kỹ năng quan trọng không thể thiếu trong công tác thanh tra. Người làm công tác thanh tra phải có kỹ năng giao tiếp, ứng xử chuẩn mực, khuôn phép, phải biết tự kiềm chế, vừa thể hiện sự cởi mở, chân thành, thông cảm nhưng lại nghiêm túc, đúng mực, công bằng. Trong những trường hợp đối tượng có thái độ quá khích, không hợp tác thì phải cương quyết nhưng cũng phải khôn khéo, không để bị kích động.

Về thái độ trong thanh tra: Ngoài việc phải đáp ứng những điều kiện "đủ" thì chủ thể thanh tra còn phải có điều kiện "cần", đó chính là tinh thần, thái độ trong công tác thanh tra. Chủ thể thanh tra phải có hành vi chuẩn mực, luôn thể hiện sự bình tĩnh, tự chủ, quyết đoán trong mọi tình huống, tuyệt đối không được thể hiện thái độ trịch thượng, quan cách, hách dịch hay nóng nảy, cáu giận mà phải luôn linh hoạt, mềm dẻo, cởi mở, tạo nên cảm giác an tâm, an toàn, thông cảm nhưng cũng phải nghiêm túc, đúng mực, công bằng, công tâm, khách quan nhằm tạo sự tin tưởng, cộng tác, phối hợp của đối tượng trong hoạt động thanh tra.

2.2. Đối với đối tượng được thanh tra

Là người cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo kết quả theo nội dung đề cương thanh tra, thực hiện việc giải thích, giải trình theo yêu cầu để đoàn thanh tra xem xét, đánh giá, đưa ra nhận xét, đề xuất biện pháp xử lý, khắc phục đúng với thực tiễn hoạt động của tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị phù hợp với quy định pháp luật. Với tư cách này, yêu cầu đối tượng được thanh tra cần phải có những năng lực và kỹ năng cần thiết như sau:

- Đối tượng thanh tra cần nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa của hoạt động thanh tra không chỉ là việc soi xét, kiểm tra, đối chiếu để tìm sai phạm theo kiểu "bới lông, tìm vết" để xử lý, xử phạt, chấn chỉnh mà hoạt động thanh tra nhằm tìm ra nguyên nhân của sai phạm, hạn chế, vướng mắc để kịp thời hướng dẫn, tư vấn đối tượng thanh tra trong việc khắc phục, thực hiện tốt hơn, đồng thời đề xuất, kiến nghị, động viên, khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tốt. Việc thanh tra còn nhằm phát hiện những sơ hở, hạn chế về cơ chế, chính sách để có những kiến nghị khắc phục kịp thời. Với ý nghĩa như thế, cả chủ thể thanh tra và đối tượng thanh tra đều mong muốn thanh tra và "được thanh tra", xóa dần cảm giác lo âu "bị thanh tra" của đối tượng thanh tra.

- Như đã nêu ở trên, hoạt động thanh tra phải đảm bảo tuân thủ nội dung, trình tự thủ tục vì vậy để phục vụ tốt công tác thanh tra, đối tượng được thanh tra cần làm tốt các công việc sau:

Chuẩn bị phục vụ cuộc thanh tra: Nghiên cứu nội dung, chuẩn bị báo cáo, tài liệu cung cấp, phân công nhiệm vụ từng thành viên trong việc tiến hành làm việc với đoàn thanh tra, nắm kỹ quy định của pháp luật theo nội dung thanh tra; chuẩn bị đầy đủ tài liệu, báo cáo, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cung ứng cho hoạt động của đoàn thanh tra.

Trong thời gian tiến hành hoạt động thanh tra: Chấp hành tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của đoàn và từng thành viên đoàn thanh tra theo nội dung thanh tra, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo quy định, trao đổi, báo cáo kịp thời những vấn đề vướng mắc phát sinh.

Khi kết thúc thanh tra: Nêu kiến nghị, đề xuất với đoàn thanh tra, những vấn đề không thống nhất cần thể hiện trong biên bản, đọc cẩn thận trước khi ký biên bản, giấy tờ, tài liệu, lưu trữ hồ sơ tài liệu thanh tra cẩn thận; tiếp nhận việc công bố kết luận và trách nhiệm trong thực hiện kết luận thanh tra, thực hiện việc kiến nghị theo thẩm quyền.

- Đối tượng thanh tra cần có kỹ năng giải thích, giải trình, thuyết trình những vấn đề theo yêu cầu của đoàn thanh tra một cách logic, chặt chẽ, ngắn gọn, súc tích để đem đến thông tin rõ ràng, đầy đủ, khách quan, thực tế chính xác nhất về hoạt động của tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị mình.

- Đối tượng thanh tra cần có thái độ thiện chí, hợp tác với chủ thể thanh tra, tận tâm, trung thực trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, có tinh thần cầu thị tiếp thu các nhận xét, đánh giá chính xác, đúng thực tế; đồng thời nhẹ nhàng, chuẩn mực trong việc nêu các kiến nghị, yêu cầu.

Tóm lại, thực hiện hiệu quả hoạt động thanh tra không chỉ đơn thuần là việc tuân thủ đúng quy trình, thủ tục, nội dung pháp luật quy định, mà đòi hỏi cả chủ thể và đối tượng thanh tra phải có kỹ năng để chuyển tải một cách rõ ràng, cụ thể, khoa học, hợp lý, đúng thực tiễn của hoạt động thanh tra. Muốn vậy, ngoài tuân thủ quy trình, quy định của pháp luật thì cần phải có các kỹ năng, nghiệp vụ, tinh thần thái độ chuẩn mực trong thanh tra. Để làm được điều này đòi hỏi cả chủ thể và đối tượng được thanh tra không ngừng học tập, rèn luyện qua công tác đào tạo, bồi dưỡng và tích lũy kiến thức, kỹ năng qua thực tiễn công tác thanh tra./.

Tài liệu tham khảo:

(1) Luật Thanh tra 2010;

(2) Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

(3) Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

(4) Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 08/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược Phát triển ngành Thanh tra đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

(5) Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra;

(6) Thông tư số 05/2015/TT-TTCP ngày 10/09/2015 của Thanh tra Chính phủ quy định về giám sát hoạt động của đoàn thanh tra;

(7) Tài liệu học tập, bồi dưỡng thanh tra viên, thanh tra viên chính của Trường Cán bộ Thanh tra.

Sự tương đồng của hành vi vi phạm TRONG THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI THAM NHŨNG theo Luật Phòng, chống tham nhũng

Ths. Lê Quang Kiệm
Cục QLTT tỉnh Đồng Nai

Qua so sánh các hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật (THPL) về xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) theo Nghị định số 19/2020/NĐ-CP kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về XLVPHC được ban hành ngày 12/02/2020 của Chính phủ (Nghị định 19) và các hành vi tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018, cho thấy có sự tương đồng về xử lý kỷ luật trong THPL về XLVPHC và vi phạm pháp luật PCTN. Do đó, bài viết này sẽ tập trung vào việc phân tích sự tương đồng về xử lý kỷ luật trong THPL về XLVPHC và xử lý kỷ luật về các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật về PCTN.

Sự tương đồng của hành vi vi phạm trong THPL về XLVPHC và hành vi tham nhũng theo Luật về PCTN

Qua nghiên cứu, so sánh nhận thấy:

Thứ nhất, Điểm d, Khoản 1, Điều 2, Luật PCTN xác định "*lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi*" là hành vi tham nhũng có sự tương đồng với quy định tại Khoản 2, Điều 22, Nghị định 19.

Thứ hai, Điểm e, Khoản 1, Điều 2, Luật PCTN xác định hành vi "*lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi*" là hành vi tham nhũng có sự tương đồng với quy định "*can thiệp trái pháp luật vào việc* XLVPHC" tại Khoản 6, Điều 22, Nghị định 19.

Thứ ba, Điểm g, Khoản 1, Điều 2, Luật PCTN xác định "*giả mạo trong công tác vì vụ lợi*" là hành vi tham nhũng có sự tương đồng với quy định Khoản 9, Điều 22, Nghị định 19 xác định "*giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính*" là một trong các hành vi vi phạm trong THPL về XLVPHC.

Thứ tư, Điểm 1, Khoản 1, Điều 2, Luật PCTN đã xác định "*lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi*" là hành vi tham nhũng có sự tương đồng với quy định "*sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước*" tại Khoản 8, Điều 22, Nghị định 19.

Thứ năm, Điểm l, Khoản 1, Điều 2, Luật PCTN xác định "*không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi*" là hành vi tham nhũng có sự tương đồng với quy định các Khoản 3,4,5,14,15,16,19, Điều 22 Nghị định 19. Cụ thể các hành vi đó là:

"3. Không xử phạt vi phạm hành chính; không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm theo quy định pháp luật.

4. Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng theo quy định pháp luật.

5. Áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính".

"14. Không thực hiện kết luận kiểm tra.

15. Thực hiện không đầy đủ, chính xác kết luận kiểm tra.

16. Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức bị xử phạt; việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

19. Không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời khiếu nại, tố cáo trong XLVPHC*".*

Thứ sáu, Điểm m, Khoản 1, Điều 2, Luật PCTN xác định hành vi "*cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi*" là hành vi tham nhũng có sự tương đồng với quy định "*can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra, lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ kiểm tra. Chống đối, cản trở người làm nhiệm vụ kiểm tra, đe dọa, trù dập người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan kiểm tra, đoàn kiểm tra, gây khó khăn cho hoạt động kiểm tra"* tại Khoản 11 và Khoản 12, Điều 22, Nghị định 19.

Thứ bảy, theo Khoản 1, Điều 3, Luật PCTN, "tham nhũng" là *"hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi"* cũng có sự tương đồng với quy định xác định *"lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử lý vi phạm hành chính"* tại Khoản 2, Điều 22, Nghị định 19 là hành vi vi phạm trong THPL về XLVPHC.

Hình thức xử lý kỷ luật do vi phạm trong THPL về XLVPHC và vi phạm theo Luật PCTN

Theo quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28 và 29 Nghị định 19, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật trong THPL về XLVPHC thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật bằng 06 hình thức, bao gồm: Khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; giáng chức; cách chức; buộc thôi việc. Trong khi đó, theo quy định của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN năm 2018 (Nghị định 59), tùy theo mức độ vi phạm, cán bộ, công chức, viên chức có thể bị xử lý bằng một trong các hình thức sau: Khiển trách; cảnh cáo;

cách chức (được chia thành: Người giữ chức vụ quyền hạn áp dụng 03 hình thức là khiển trách, cảnh cáo và cách chức; người không có chức vụ quyền hạn thì bị xử lý bằng 02 hình thức đó là khiển trách và cảnh cáo).

Xử lý kỷ luật trong thi THPL về XLVPHC là một trong những nội dung quan trọng được Chính phủ quan tâm bằng việc ban hành Nghị định 19. Mục đích chính là xem xét, đánh giá tình hình THPL về XLVPHC; động viên, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện pháp luật về XLVPHC; đồng thời, phát hiện những hạn chế, vướng mắc, bất cập, sai sót, vi phạm trong THPL về XLVPHC để kịp thời chấn chỉnh, xử lý, khắc phục. Qua công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đảm bảo phòng, chống, ngăn chặn các vi phạm trong THPL về XLVPHC; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về XLVPHC.

Nghị định 19 có quy định: "*... Áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính*". Như vậy, trong quá trình XLVPHC cần áp dụng đúng, đầy đủ các hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Việc xử lý các hành vi tham nhũng được ghi nhận ở nhiều văn bản pháp luật, có thể kể đến: Luật PCTN năm 2018; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017); Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010... Trong đó, Luật PCTN năm 2018 đã dành cả Chương IX quy định cụ thể nội dung xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN. Tại khoản 1 Điều 92 quy định: "*Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác*".

Bên cạnh đó, Luật PCTN năm 2018 còn quy định về xử lý các hành vi vi phạm quy định về PCTN bao gồm: Về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; về quy tắc ứng xử; về xung đột lợi ích; về chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn; về nghĩa vụ báo cáo về hành vi tham nhũng và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng; về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Người có hành vi vi phạm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật nếu là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét áp dụng tăng hình thức kỷ luật. Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật nếu là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội thì còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

Để bảo đảm thi hành Luật PCTN năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN (Nghị đinh 59). Trong đó, Chương VI Nghị định 59 quy định về việc "*tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm liên quan đến tham nhũng*" và Chương X quy định về "*xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về PCTN*".

Ngoài ra, Nghị định 59 cũng quy định cụ thể việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tham nhũng liên quan đến các nội dung: Xử lý vi phạm trong việc thực hiện công khai, minh bạch; xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích; xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng; xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước.

Có thể nói, việc Chính phủ ban hành Nghị định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong THPL về XLVPHC đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, cụ thể, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xác định các hành vi vi phạm trong THPL về XLVPHC, áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật đối với từng hành vi vi phạm trong THPL về XLVPHC cũng như nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong THPL về XLVPHC. Điều này, góp phần quan trọng trong việc phòng, chống, ngăn chặn các vi phạm trong THPL về XLVPHC; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về XLVPHC.

Bên cạnh đó, pháp luật cũng đã quy định tương đối đầy đủ hệ thống chế tài áp dụng cho người có hành vi tham nhũng tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của họ ở mức độ khái quát nhất có thể phân chia thành hai loại chế tài: Chế tài kỷ luật áp dụng cho người có hành vi tham nhũng ở mức độ ít nguy hiểm cho xã hội, còn chế tài hình sự được áp dụng cho người có hành vi tham nhũng gây nguy hiểm cao cho xã hội bị coi là tội phạm.

Đặc biệt, trong số các hành vi vi phạm trong THPL về XLVPHC nêu trên, có một số hành vi vi phạm có sự tương đồng với các hành vi tham nhũng được quy định tại Luật PCTN năm 2018. Do đó, khi cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật trong THPL về XLVPHC sẽ có sự xử lý không thống nhất. Vì vậy, cần có cách hiểu thống nhất để tránh thiệt thòi cho cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật trong THPL về XLVPHC./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ "KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ" theo quy định của Luật PCTN năm 2018

TS. Trần Thị Thúy
Khoa QLNN và PCTN, Trường Cán bộ Thanh tra

Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn là một trong những giải pháp phòng ngừa tham nhũng hiệu quả. Chế định về "kiểm soát tài sản, thu nhập" được quy định lần đầu trong Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) 2005, hướng tới nhóm đối tượng là những người có chức vụ, quyền hạn. Tới Luật PCTN 2018, chế định "kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị" được quy định có bốn nhóm trụ cột chính, bao gồm: (1) Quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; (2) Quy định về việc kê khai tài sản, thu nhập; (3) Quy định về xác minh tài sản, thu nhập; (4) Quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Ảnh minh họa

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

Luật PCTN năm 2018 đã quy định cụ thể về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng giao cho Thanh tra Chính phủ, thanh tra các bộ, ngành, thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của những người thuộc diện kê khai công tác tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương; các cơ quan khác (cơ quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước) và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, thu nhập của người kê khai công tác trong cơ quan, tổ chức mình.

Kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Theo Dự thảo "Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị", *"kê khai tài sản, thu nhập"* là việc ghi thông tin về các loại tài sản, thu nhập, biến

động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm theo quy định của Luật PCTN và Nghị định này[1].

Đối tượng và phạm vi kê khai tài sản, thu nhập

04 đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được quy định tại Điều 34 Luật PCTN năm 2018, cụ thể: (i) Cán bộ, công chức; (ii) Sĩ quan công an nhân dân; sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; (iii) Người giữ chức vụ từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; (iv) Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Như vậy, Luật PCTN năm 2018 đã quy định mở rộng đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập so với Luật PCTN năm 2005, cụ thể như sau: (i) Bổ sung sĩ quan công an nhân dân; sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp vào diện phải kê khai tài sản, thu nhập; (ii) Quy định mọi cán bộ, công chức đều thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập. Với quy định này sẽ làm gia tăng số lượng người kê khai hàng năm, tăng lượng thông tin cần thu thập và xử lý, có thể gây áp lực cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Dù sẽ làm gia tăng số lượng người kê khai nhưng việc mở rộng đó là cần thiết cho công tác PCTN hiện nay, khi mà hành vi tham nhũng đang xảy ra nhiều ở bộ phận công chức có chức vụ thấp hoặc không có chức vụ lãnh đạo, quản lý. Do vậy, Luật PCTN năm 2018 bổ sung sĩ quan công an nhân dân; sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp và mọi cán bộ, công chức vào diện phải kê khai tài sản, thu nhập là hợp lý với bối cảnh nền hành chính tại Việt Nam.

Theo Điều 33 Luật PCTN năm 2018, phạm vi, trách nhiệm kê khai tài sản gồm: Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật PCTN năm 2018; người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập. Việc quy định về nghĩa vụ giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm vừa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, vừa phù hợp với Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Khoản 1 Điều 35 Luật PCTN năm 2018 quy định, tài sản, thu nhập phải kê khai gồm: Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài; tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập

Tại Điều 36 Luật PCTN năm 2018, có 04 phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập được quy định, gồm: (1) *Kê khai lần đầu*: Áp dụng đối với người đang là cán bộ, công chức; sĩ quan công an nhân dân; sĩ quan quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp tại thời điểm Luật PCTN năm 2018 có hiệu lực; (2) *Kê khai hàng năm*: Áp dụng đối với người giữ chức vụ từ giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ; (3) *Kê khai bổ sung*: Áp dụng đối với người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên, có nghĩa là các đối tượng không thuộc diện phải kê khai hàng năm thì chỉ kê khai khi có biến động lớn với tài sản, thu nhập; (4) *Kê khai phục vụ công tác cán bộ*: Được thực hiện đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân; người dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

Xét về mặt quy định, phương thức kê khai tài sản, thu nhập của Việt Nam không thực sự giống các phương thức mà các nước trên thế giới áp dụng. Theo Luật PCTN năm 2018, mọi đối tượng có nghĩa vụ kê khai lần đầu để Nhà nước thu thập cơ sở dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập, sau đó họ không cần phải kê khai lại vào các năm tiếp theo, trừ khi thuộc một trong ba trường hợp tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 36 Luật PCTN năm 2018. Với các quy định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị Nhà nước cần nghiên cứu kỹ lưỡng và hướng dẫn chi tiết để công tác kê khai tài sản, thu nhập được tổ chức hiệu quả.

Trình tự, thủ tục tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập như sau: Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và gửi cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền; hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai; lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

Bước 2: Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu và gửi bản kê khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai.

Bước 3: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền.

Về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

Kế thừa Luật PCTN hiện hành, Luật PCTN năm 2018 tiếp tục quy định bản kê khai được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc

Theo dõi biến động tài sản, thu nhập

Đây là một điểm mới của Luật PCTN năm 2018. Luật đã quy định cụ thể thẩm quyền và phương pháp theo dõi biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, như sau:

Thẩm quyền theo dõi biến động về tài sản, thu nhập là cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập, gồm: Thanh tra Chính phủ, thanh tra tỉnh, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

Phương pháp theo dõi biến động về tài sản, thu nhập, gồm: Phân tích, đánh giá thông tin từ bản kê khai hoặc từ các nguồn thông tin khác; trường hợp phát hiện tài sản, thu nhập có biến động từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai không kê khai thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có quyền yêu cầu người đó cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan; trường hợp tài sản, thu nhập có biến động tăng thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có quyền yêu cầu người đó phải giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

Xác minh tài sản, thu nhập

"*Xác minh tài sản, thu nhập*" là việc xem xét, đánh giá, kết luận của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật PCTN và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm[(2)]. Như vậy, xác minh tài sản, thu nhập là một "mắt xích" quan trọng trong biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập. Hoạt động này góp phần kiểm soát xung đột lợi ích tốt hơn, nâng cao hiệu quả trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng và làm giàu bất chính của các đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập.

Căn cứ xác minh tài sản, thu nhập

Tại Điều 41 của Luật PCTN năm 2018 đã quy định khi có một trong năm căn cứ xác minh tài sản, thu nhập, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xác minh tài sản, thu nhập có cơ sở để lựa chọn bản kê khai của đối tượng thuộc diện kê khai nhằm tiến hành việc xác minh tính trung thực và chính xác liên quan đến tài sản, thu nhập của đối tượng đó, như sau: (i) Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; (ii) Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc; (iii) Có tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo; (iv) Thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên; (v) Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật PCTN năm 2018.

Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai được xác minh và việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 41 Luật PCTN năm 2018.

Trình tự xác minh tài sản, thu nhập

Để tránh được những sai sót trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập bởi sự thiếu cẩn trọng của một hay một số cơ quan có thẩm quyền và đáp ứng công tác PCTN, Luật PCTN năm 2018 quy định cụ thể trình tự xác minh tài sản, thu nhập nhằm đảm bảo cho hoạt động xác minh tài sản, thu nhập đạt mục đích, yêu cầu đã đề ra. Do vậy, dù thuộc thẩm quyền của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập nào, việc xác minh tài sản, thu nhập về cơ bản cũng đều phải thực hiện theo sáu bước được quy định tại Điều 44 của Luật PCTN năm 2018, như sau:

Bước 1. Ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập và thành lập tổ xác minh tài sản, thu nhập.

Bước 2. Yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình.

Bước 3. Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập.

Bước 4. Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập.

Bước 5. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập.

Bước 6. Gửi và công khai kết luận xác minh tài sản, thu nhập.

Cơ sở Dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

Luật PCTN năm 2018 đã quy định Cơ sở Dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bao gồm thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật PCTN. Cơ sở Dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Chính phủ điều phối các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác có trách nhiệm xây dựng, quản lý Cơ sở Dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Những đề xuất triển khai thực hiện hoạt động kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

Một là, khi Dự thảo "*Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*" được thông qua, cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và Thanh tra Chính phủ cần sớm soạn thảo quy chế phối hợp để tránh sự lúng túng, khó

xử lý vấn đề chồng chéo thẩm quyền trong kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức đối với người kê khai đồng thời thuộc đối tượng kiểm soát của nhiều cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập để hướng dẫn, đảm bảo thi hành luật.

Hai là, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cần phải rà soát lại biên chế, giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức tham gia vào hoạt động "kiểm soát tài sản, thu nhập". Đồng thời, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách, có năng lực, kinh nghiệm trong điều tra, xác minh về nguồn gốc tài sản, thu nhập.

Ba là, Ngân hàng, Kho bạc, cơ quan quản lý thuế, đất đai… là các cơ quan, tổ chức, đơn vị... phải cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền. Vì vậy, để không xâm phạm đến quyền con người, quyền bí mật kinh doanh của ngân hàng… việc thực hiện cung cấp thông tin, tài liệu phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ do Chính phủ quy định tại "*Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*" và các quy định có liên quan.

Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai

Một là, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai cần nâng cao nhận thức trong việc chỉ đạo xây dựng, ban hành các văn bản tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập; lập kế hoạch, lên danh sách, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc kê khai theo quy định.

Hai là, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai nên giao nhiệm vụ cho bộ phận thanh tra chủ trì trong việc tham mưu tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập. Nơi không có bộ phận thanh tra thì do đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện.

Ba là, người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập cần nâng cao ý thức việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định; thực hiện các quy định kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân; nâng cao văn minh thương mại, bỏ tâm lý ngại tiếp cận với công nghệ mới, công khai hóa thu nhập, doanh thu, không sử dụng tiền mặt với những mục đích không minh bạch….

Đối với Thanh tra Chính phủ, cần sớm tham mưu cho cho Chính phủ trong việc xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở Dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm đảm bảo thực hiện mục đích, yêu cầu kiểm soát tài sản, thu nhập.

Riêng đối với Trường Cán bộ Thanh tra, cần phối hợp với các đơn vị của Thanh tra Chính phủ để tham mưu cho Tổng Thanh tra Chính phủ trong việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát tài sản, thu nhập cho đội ngũ công chức làm công tác chuyên trách về kiểm soát tài sản, thu nhập. Đồng thời, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát tài sản, thu nhập./.

Chú thích:

(1) Khoản 2, Điều 3 của Dự thảo 3 "Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị".

(2) Khoản 5, Điều 3 của Dự thảo 3 "Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị".

NGƯỜI CHỜ

(Tặng những người vợ Liệt sỹ)

Có người
Đợi một người
Từ ngày ra đi
Bên khoang cửa nhà
Chiều buông lạnh gió
Nhớ ai
Mong chờ

Người đi
Vẫn đi
Hố bom tàn nhẫn
Đất phủ kín rồi
Bông hồng hé nở
Lững lờ mây trôi

Người chờ
Vẫn chờ
Tóc trắng bay
Thoáng mơ
Ai đó chiều nay trở về!

Đào Hanh

Lưng chừng tháng Bảy

Ngoài hiên những cánh bằng lăng rơi đầy góc phố. Ta lại lang thang trên con đường mòn ngày xưa, kí ức ùa về trong nỗi nhớ mong manh. Từng lớp thời gian khắc lên mình những vội vàng bất chợt, đâu đó trong từng ánh nhìn có một chút gì đó nuối tiếc bâng khuâng. Tháng Bảy ngang qua đời ta những xốn xang mơ đắm. Bất chợt thấy thời gian trôi nhanh quá đỗi, lòng lại chùng chình những cảm xúc ngày xưa.

Tháng Bảy ta lại về với quê nhà yêu dấu, bỏ lại phía sau bộn bề sách vở. Ta ngồi trước hiên nhà đầy nắng, có tiếng chim vút lên sau vòm lá xanh ngời. Giọt nắng chiều bâng khuâng rơi trên tóc mẹ, từng sợi bạc mong manh vươn vào lòng con trẻ rối bời. Mẹ lại vỗ về ta như thuở còn là đứa trẻ vô lo, vô nghĩ. Thời gian cứ cuốn con người ta đi hun hút, dáng mẹ chênh vênh trong chiều buông nắng, nghe như nước mắt mình rơi lại trước sân nhà. Tháng Bảy về, ta ngồi cùng mẹ bên chén nước cơm mát lành. Ngọn khói cơm chiều cay xè khóe mắt, mùi khói vương màu áo mẹ, mùi hương theo ta đi suốt cuộc đời… Bếp lửa bập bùng của ngày thơ như vẫn hiện lên giữa buổi chiều quê bình yên, chỉ có lòng người là ngổn ngang ngày tháng. Tựa đầu vào lòng mẹ, ta nghe như năm tháng vẫn còn lại đâu đó quanh mình.

Tháng Bảy về, ba lại đau đáu nỗi đau đi tìm đồng đội. Những cánh rừng già xanh bóng, những dòng suối mát lành vẫn còn ôm ấp đồng đội ba vào lòng. Bên tách trà quê, ba vẫn thì thầm chuyện chiến trường khốc liệt "đồng đội thương nhau như anh em ruột thịt trong nhà, đứa còn sống phải tìm cho bằng được đứa mất đi". Lời hứa đó vẫn ghim vào lòng ba, để những ngày tháng bảy bình yên trôi qua lòng ba lại đầy giông bão. Những con đường ngày xưa như hiện ra trước mắt, đồng đội như vẫn ngồi lại cùng nhau tranh đọc thư nhà. Đôi mắt rưng rưng trong chiều tháng Bảy cứ ngó về cánh rừng già xa ngái, nơi dấu chân qua đâu bị phai mờ. Hoàng hôn kéo từng sợi dài nhưng nhức, ta nghe tiếng thở dài của ba mênh mông lắm…

Ngoại lại lần giường ra đứng trước sân nhà, bệnh lẫn của ngoại mỗi ngày một nặng hơn. Tất cả đều bị thời gian phủ một lớp bụi mờ lãng quên. Tiếng lá xạc xào ngoài hiên, ngoại lại nhẩm đi nhẩm lại "bây về với má đó hả út ơi"… Nỗi nhớ cậu của ngoại đâu có bị thời gian lãng quên. Bất chợt lòng ta lại ích kỉ, giá như ngoại quên đi tất cả, chẳng còn lưu lại chút gì. Chắc lúc đó ngoại bớt đau hơn. Khói nhang từ bàn thờ cậu cứ bảng lảng như gieo vào lòng người từng đợt sóng ngầm da diết. Mẹ cất kỷ vật của cậu như báu vật. Lâu lâu mẹ lại giở ra xem rồi mắt mũi rưng rưng nhìn về phía đại ngàn xa ngái. Chiếc võng không vẫn đều đều, ngoại đã không còn hát ru như trước nữa. Những câu hát ru buồn vào những ngày tháng Bảy đắm say. Ngồi quạt cho ngoại giữa trưa hè oi ả, mắt ngoại ngấn lệ. Giây phút đó ta thấy thương ngoại đến quặn lòng…

Những ngày tháng Bảy về, ta thấy mình bộn bề cảm xúc. Dấu thời gian in hằn vào bao nỗi nhớ khiến con người ta quay quắt khôn nguôi. Miền quê nhỏ xôn xao sau bờ lá, tia nắng vàng khẽ trôi trên bờ sông vắng. Ta lại về khỏa nước sông quê, nghe thì thầm cùng sông bao chuyện buồn vui năm tháng. Miền tháng Bảy trong xanh với bao buồn vui đắp đổi nên mình. Ta lại về trước hiên nhà đầy gió nhìn ngọn khói đốt đồng vờn bay trắng xóa giữa một chiều lưng chừng tháng Bảy…

Trần Thương Tính

Hương sen

Nương theo mùi hương ngan ngát, diệu vợi đánh thức bao rung cảm xa xăm, tôi tìm về bên những cánh sen hồng mùa hạ. Mỗi mùa hoa đi qua đều gợi về trong tâm khảm một niềm riêng man mác, như là duyên cớ để lòng tôi được giãi bày. Tiết trời đỏng đảnh nắng mưa, đôi khi phải đối mặt với những công việc và áp lực thường nhật dễ khiến người ta trở nên gắt gỏng, bức bối.

Những đóa sen hồng tỏa hương tinh khiết như biết cách xoa dịu lòng người, kín đáo trao cho mỗi người một khoảng lặng, vỗ về bao sóng gió ngủ yên.

Ghé lại góc phố quen, mua một bó sen được gói khéo léo từ bàn tay ân cần, tấm lòng thảo thơm của cụ bà tóc trắng da mồi, tôi chợt rưng rưng khi nhận ra một mảnh hồn quê giữa ngổn ngang phố xá. Những nụ sen như vẫn còn thiêm thiếp giấc nồng trong lớp lá xanh mềm mại. Từng cánh mỏng e ấp chờ ngày được bung nở trên bàn tay dịu dàng nâng niu. Yêu hoa, trân quý hoa cũng là khi ta mở lòng gỡ bỏ bao rối ren đang vây kín trong lòng. Những đóa sen sớm chiều khiêm nhường và lặng lẽ tỏa hương. Giấc ngủ dễ chịu, êm ả dẫn tôi về lại tháng ngày xa xôi phủ màu kỉ niệm. Ở đó có dáng hình của những người phụ nữ đã âm thầm gắn bó với cuộc đời tôi, có điệu hời ru, vành nón lá, có hương trà ướp sen buổi sớm mai trong ngần… Tất cả đều xuất phát từ mạch nguồn tha thiết yêu thương.

Cánh sen hồng điểm tô cho mùa hạ nét duyên dáng đến xuyến xao cõi lòng. Tôi lại mơ được chòng chành trên chiếc thuyền nhỏ rẽ sóng giữa hồ sen bát ngát, hời ru ngày tháng cũ trong vòng tay quê nhà. Thuở nhỏ, đến mùa sen nở, tôi thường theo mẹ hái sen về dâng lên bàn thờ tổ tiên vào những ngày rằm, ngày giỗ. Hương sen nồng nã quấn quýt trên tóc mẹ, mái tóc dài ngày ấy vẫn chưa bàng bạc dấu vết thời gian. Mẹ kể cho tôi nghe những câu chuyện xa xưa kỳ bí của làng, giữa hơi sương chùng chình vắt qua mặt hồ thênh thang. Có chú ong vàng mải mê tìm mật, nắng nhẹ vương trên đôi cánh mơ màng. Tôi cúi đầu, khẽ nâng một nụ sen ấp trong lòng bàn tay. Rồi đắm

mùa hạ

mình trong ngan ngát hương lành cùng giọng nói ấm áp của mẹ.

Hồ sen giữa đồng làng ngày xưa là một hố bom, từng mùa sen nở như gửi gắm vào đất trời tấm lòng tri ân thế hệ đi trước. Mẹ dạy tôi phải biết nâng niu, trân quý sen, vì sen chứa đựng mảnh hồn làng chất chiu từ phù sa, bùn đất nghĩa tình, từ mạch nguồn quê hương son sắt. Sen lặng thầm dâng hiến vẻ đẹp thanh tao mà gần gũi, đến khi hoa tàn, lá rũ vẫn vẹn nguyên làn hương ngây ngất, luyến lưu. Hoa sen, ngó sen, hạt sen, củ sen… cùng góp mặt vào đời sống bằng trọn vẹn tấm lòng. Đó là bình hoa trang trí nhã nhặn, là vị thuốc an thần, là món chè dịu ngọt, ấm trà thơm hương… Sen còn gợi về góc trời ký ức yên ả, giữ hộ tôi miền thơ ấu ngọt ngào.

Ngày chị tôi sang sông cũng vào mùa sen nở vương vấn. Thời gian trôi tựa thoi đưa, lưu lại trong miền nhớ của chị là những cánh hoa phớt hồng, thắm đượm màu thủy chung. Lá sen trong gió như khẽ vẫy chào tạm biệt người con gái quê, thầm mong chị đã tìm được một bến đỗ bình yên của cuộc đời. Tà áo dài chị mặc mẹ thêu hình cánh sen mềm mại bung nở, như gửi gắm bao nỗi tâm tình, thầm nhắc chị mãi nhớ về quê hương. Sau này tôi lớn lên, đi xa rồi về lại hồ sen lưu dấu kỉ niệm, lúc lặng ngắm hoa tôi lại nhớ ánh nhìn của mẹ khi tiễn con gái về nhà chồng, một ánh nhìn quay quắt, rưng rưng…

Giờ đây mọi thứ đã hóa xa xôi, dần khuất sau lớp sương mờ mang tên dĩ vãng. Sen lặng lẽ giữ lại những giọt nước mắt bịn rịn, luyến lưu của chị ngày xuất giá. Tôi xót xa nhìn mái tóc mẹ ngả màu năm tháng, và thanh xuân của chị đã trôi xa hun hút như chuyến tàu khứ hồi không thể trở lại. Tuổi xuân của mẹ, của chị tôi tựa cánh sen cứ dần phai mà vẫn giữ lại làn hương phảng phất như thuở đầu. Làn hương thân thuộc ấy có lẽ sẽ quyện mãi trong những giấc mơ yên bình của tôi, gọi tôi về bên mẹ để được sớm chiều yêu thương, quấn quýt.

Mùa hạ, mùa sen nở. Mùa thơm hương vương ký ức nao lòng…

Trần Văn Thiên

Một ngày không được chấm công

Truyện ngắn của **Ma Văn Kháng**

Đêm qua thức khuya nên sáng nay tận 6 giờ 30 mới thức giấc. Vệ sinh cá nhân xong đã 7 giờ. Tuy vậy, ông Thảnh vẫn ung dung vì vừa ăn sáng vừa dự tính, 7 giờ 30 sẽ ra khỏi nhà và đạp xe đủng đỉnh bốn cây số cứ cho là mất 45 phút, kể cả tắc đường, thì đến cơ quan cũng mới có 8 giờ 15. Nghĩa là còn dư những 15 phút trước giờ làm!

Dự tính thế vì lâu nay vẫn là thế. Vợ con dịp này về quê cả. Sống một mình có cái nhẹ nhõm của nó. Bận chăng là mỗi ngày cho đám cá cảnh ăn một lần. Và gần tuần lễ nay là thêm việc, ngày ba bữa cho Cún con ăn. Cún con là quà của ông Quang hàng xóm. Mẹ Cún đẻ hai con. Anh Cún hiện vẫn ở với mẹ. Cún mũm mĩm màu cà phê sữa, rất thích được vuốt ve, yêu chiều. Cũng phải thôi, Cún mới được ba tháng tuổi, miệng còn hoi hoi mùi sữa, hẳn còn nhớ mẹ.

- Ở nhà Cún nhé. Trưa, ông lại về!

Cúi xuống vỗ về Cún, ngẩng lên, ông Thảnh nhìn đồng hồ thấy đúng 7 rưỡi, tự khen mình dự tính chính xác. Nhưng vừa định mở cánh cửa dắt xe ra đi làm thì cửa như có gió đẩy, kẹt nhè nhẹ một tiếng. Và qua khe cửa vừa hé, lọt vào một em chó mẹ lông trắng pha vàng, bầu vú lúc lỉu căng sữa.

Ôi, mẹ Cún! Đúng là mẹ Cún ở bên nhà ông Quang hàng xóm. Từ ngày Cún xa mẹ, mẹ vẫn thường qua lại. Và cũng lại như mọi lần. Mẹ con Cún quấn lấy nhau, mừng rỡ vui đùa, rồi mẹ Cún nằm ệch ra, để Cún háo hức rúc mẹ!

Trời! Nghe tiếng Cún nấc nghẹn nuốt ừng ực từng ngụm sữa mẹ và nhìn cảnh mẹ Cún rối rít liếm láp đứa con xa mà rưng rưng nước mắt! Lòng dạ nào mà nỡ chia ly cảnh ân tình mẫu tử cảm động này.

- Thôi, mẹ Cún cứ cho con bú đi! Còn Cún thì cứ thong thả đừng vội, kẻo lại sặc sữa đấy, cháu à! Ông còn chờ được!

May, Cún mẹ cho con bú xong, nhìn đồng hồ vẫn còn 30 phút, ông Thảnh vội vàng dắt xe ra cửa.

Đường phố đang cũ đông. Dắt xe sang bên kia dải phân cách. Đang định ngồi lên đạp thì ông bỗng giật mình vì một hiệp âm xè xè bay qua khoảng không trước mặt. Thì ra một chú dế từ búi cỏ bên vệ đường vừa đạp càng bay ra và rơi đánh tạch xuống ngay mặt đường phía trước. Chà! Chắc mới chỉ vài ngày tuổi thôi. Bởi trên mình chú đôi cánh còn mỏng tang và đầu chú còn hồng hồng màu da thịt non bấy, chứ chưa hóa sừng nâu bóng. Thêm nữa, trông chân chú thì biết, chú bò rất chậm, thậm chí còn run rẩy. Và đôi càng của chú, vốn là vũ khí lợi hại của loài dế, cao hứng lắm thì cũng chỉ có thể đạp đất vọt lên cao hơn gang tay rồi rơi bịch xuống ngay tại chỗ thôi.

Nhưng bé thế mà chú đã nhiễm phải máu phiêu lưu của nhân vật chính trong tác phẩm *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài đấy. Biết chú rồi. Thế đấy, đám cỏ ven hồ, quê hương chú là nơi sáng sáng ông thường tới tập thể dục, tối tối ông thường đi dạo, hít thở không khí trong lành và ngồi thư giãn trong yên bình, nghe chú gáy ran ran. *"Tiếng con dế gáy ran bờ cỏ. Xâu thời gian thành chuỗi hạt cườm" (Thơ Băng Sơn).*

Có một tiếng còi xe máy vừa gắt lên ở ngoài đường. Cùng lúc, ông giật thót người vì nhận ra chiếc xe máy phóng vượt qua, bánh xe cách chú dế non chỉ chừng gang tay. Hú vía! "Ta phải chạy ra, bắt cái con dế bỏ nhà đi chơi này về mới được, không thì nguy hiểm lắm!" Ông Thảnh nghĩ thế, nhưng vừa từ bãi cỏ bước xuống đường đã vội rụt chân giật người trở lại. Một chiếc ô tô buýt sơn vàng vừa sượt qua mặt. Mắt hoa hoa. Ông đã sắp sáu mươi rồi. Thần kinh đã yếu, rất hay bị choáng. Mà lúc này, từ ngã tư phía khách sạn Daewoo, đèn xanh vừa bật lên, dòng người nối nhau, ô tô, xe máy các loại đầy đường rú còi, nổ máy sầm sập vượt qua trước mắt ông.

Cuộc sống mỗi ngày một khác lạ, một ồn ào. Trước kia, nơi đây làm gì có đường. Trước kia, nơi đây chỉ có đầm hồ và cây cỏ. Còn từ ngày có con đường hai chiều, ở giữa đặt dải phân cách là một luống hoa chạy dài thì xe cộ ở đâu dồn về nhiều quá. Còn con đường thì gần như suốt ngày sôi réo dưới những bánh xe lăn qua. Đến mức, nhiều hôm ông phải tìm đến bãi cỏ ven hồ may chưa mất đi này để tìm sự yên tĩnh, để hít thở không khí trong lành, để tĩnh tâm trong tiếng dế kêu và tiếng cá quẫy.

Hoa mắt vì dòng ô tô, xe máy như nước lũ chảy qua, ông Thảnh đứng lặng, mà rộn rực nỗi lo. Ông lo cho số phận chú dế. Nhưng, may thay, cái gì cũng có giới hạn của nó. Xe cộ như nước chảy mãi cũng phải kiệt. Ấy là vì đèn đỏ ở đầu đường đã bật. Đường không còn một bóng xe. Và ông thì mừng đến toát mồ hôi khi nhận ra chú dế nọ vẫn như một chấm nhỏ ti đang bò. Trời! Hàng trăm bánh xe tử thần đã chạy qua khúc đường này và chú đã thoát chết thì thật là một sự kỳ diệu chưa từng thấy!

Tuy mừng vui sung sướng chưa được nửa phút, ông đã lại thót tim sợ hãi. Rõ ràng là chú dế còn non nớt quá, chú không hiểu nỗi lo của ông, không biết đâu là sự an toàn, đâu là sự nguy hiểm. Thành ra, đáng lẽ phải bò lên luống hoa ở dải phân cách thì chú lại quay đầu, hướng về phía bên này đường, nơi ông Thảnh đang đứng, nơi có đám cỏ từ đó chú đã đi ra. Cả một khoảng cách mênh mông!

*

- Chào bác Thảnh!

+ Chào! Có chuyện gì mà các vị túm tụm vui vẻ thế!

- Bác có tham gia trò đố vui với bọn này không?

+ Xin lỗi! Mình... đến muộn.

Ngồi xuống ghế, mở cặp tài liệu, ngước nhìn chiếc đồng hồ treo tường, ông Thảnh liền giật thót mình. Ông đã đến trễ gần nửa giờ đồng hồ. Mà sáng nay, theo kế hoạch, ông phải thảo xong cái báo cáo công tác quý hai cho giám đốc; và lúc này, không hiểu phòng kế toán đã có đủ số liệu như đã hẹn với ông chưa đây. Tặc tặc lưỡi, ông Thảnh nhớ tới cảnh Cún con bú mẹ và cười thầm, nhưng mà khởi nguồn mọi sự rắc rối đâu có phải là do Cún.

- Bác Thảnh này!

+ Trưởng phòng Thân đấy hả? Có chuyện gì đấy?

- Chuyện gì thì bác biết thừa rồi còn gì!

Trưởng phòng Thân bốn mươi tuổi, ria mép đen xì, mũi gồ, đuôi mắt nhọn như mũi dao, từ buồng bên đi ra, tay cầm một xấp giấy, ghé xuống:

- Tôi hỏi thật mà, anh Thân?

+ Bác chưa biết thật hay bác giả vờ chưa biết?

- Nói thật với cậu là hồi này tuổi cao rồi, tôi cứ lẫn việc to với việc nhỏ, việc chính với việc phụ, tôi cứ nhớ nhớ quên quên. Như sáng nay đấy. Sắp sửa đi thì ...

Chớp chớp hai con mắt, ông Thảnh ngơ ngơ nhìn trưởng phòng Thân, định nói về chuyện mẹ con Cún và con dế, rồi lại thôi. Vì hai con mắt Thân đang hau háu săm soi, móc máy. Chuyện gì thì cũng thừa biết đi rồi. Thì có gì là lạ nữa, cả tháng nay rồi, cả năm nay rồi! Nó là cái trò đơn từ tố cáo đòi hạ bệ ông Sang giám đốc, chuyện thường thấy ở các đơn vị nội bộ vào lúc mạt vận suy vi. Công việc thì chễnh mảng, bê trễ. Nội bộ thì lủng củng, ông chẳng bà chuộc, ba bè bảy mối. Ngày ngày chỉ mỗi một việc là rình mò, bới móc sơ hở của nhau, hết nói xấu sau lưng lại đặt ca dao hò vè, dựng chuyện, giăng bẫy đưa nhau vào tròng. Mà đầu trò là cái anh chàng trưởng phòng Thân mũi gồ, mắt nhọn, lắm mưu ma chước quỷ này chứ còn ai.

- Bác Thảnh này! Tôi nghĩ, trưởng phòng Thân rít khe khẽ qua kẽ răng, bác là người cao niên nhất trong cơ quan. Chữ ký của bác có ý nghĩa quyết định đấy!

+ Chữ ký của tôi?

- Thôi, khỏi phải dài dòng, bác đọc xấp đơn này đi thì khắc rõ hết tội lỗi có hệ thống của ông Sang.

+ Nhưng mà cả xấp đơn dầy thế?

- Thì là của cả tập thể cơ mà! Mà bác Thảnh này.

+ Cậu bảo gì?

Nhấc cánh tay trái nhìn đồng hồ, mặt trưởng phòng Thân bỗng đổi sang nghiêm lạnh:

- Bác Thảnh! Sáng nay, bác đến chậm cả tiếng đồng hồ. Lẽ ra hôm nay tôi không chấm công cho bác. Nhưng nếu sáng nay bác dành thời giờ để đọc rồi ký vào xấp đơn tố cáo ông Sang, thì tôi coi như bác vẫn làm việc! Coi như một ngày làm việc bình thường!

Không đáp, ông Thảnh ngó vào ngăn bàn, rồi đứng dậy sờ sờ nắn nắn hai túi quần. Cuối cùng vỗ đánh bộp vào hai túi áo dưới, ngước lên nhìn trưởng phòng Thân, ông kêu thất thanh: Thôi chết. Để quên hai con mắt ở nhà rồi! Hừ! Sẩm vào cuội ra, tuổi cao lú lẫn nhớ nhớ quên quên, hay là lúc đó mải ngắm mẹ con Cún quấn quýt, nên quên bẵng đi không bỏ cặp kính lão vào cặp nhỉ? Mà vào tuổi này không có chiếc kính viễn thì cầm cuốn sách lên, dẫu có để xa hàng mét, cũng chỉ như nhìn vào bức tường.

- Xin lỗi, để mình lên phòng ông giám đốc mượn kính.

Ông Thảnh nói, rồi thản nhiên lách qua khe hẹp giữa trưởng phòng Thân và chiếc bàn, đi ra.

*

Lát sau, trưởng phòng Thân đã quay lại. Thấy ông Thảnh đã ngồi vào bàn của mình, đang thu dọn giấy tờ.

- Xin lỗi. Ông Sang đi họp trên cục, không có kính tôi không đọc và không ký được. Giờ tôi xin phép trưởng phòng nghỉ việc, vì tôi đi làm chậm, ngày hôm nay xin không chấm công cho tôi.

Trưởng phòng Thân giật ngửa người, xì hơi qua hai lỗ mũi, nhăn nhở:

- Giờ bác định… về?

+ Thì cũng đành vậy chứ sao. Không có kính thì tôi không đọc, cũng không ký được.

- Vậy tôi có bài thơ tặng bác trước khi bác ra về.

+ Thơ tặng tôi?

- Vâng! *Trong thiên hạ có anh giả điếc/ Khéo ngơ ngơ ngác ngác, ngỡ là ngây/ Chẳng ai ngờ, sáng tai họ, điếc tai cầy/ Lối điếc ấy sau này em muốn học*. Chắc bác đã biết: *"Họ"* là tiếng người cày bảo con trâu đứng lại.

+ Ờ ờ…

- Dạ thưa bậc huynh trưởng. Chắc bậc huynh trưởng thừa biết, đó là trích đoạn bài thơ *Anh giả điếc* của Nguyễn Khuyến. Cụ Tam Nguyên Yên Đổ làm bài thơ này để tặng ông đồ ở huyện Cự Lộc, tỉnh Nam Định. Ông này đỗ cử nhân, vua Tự Đức mời ra làm quan, ông liền giả điếc, khước từ việc đó. Giờ, em xin đọc tiếp đoạn sau bài thơ để hầu bác ạ: *Khi vườn sau, khi ao trước/ Khi điếu thuốc, khi miếng trầu/ Khi chè chuyên năm bảy chén/ Khi Kiều lẩy một đôi câu/ Sáng một chốc, lâu lâu rồi lại điếc/ Điếc như thế ai không muốn điếc? Điếc như anh dễ bắt chước ru mà.*

+ Hừ, cái cậu này. Nói cái gì mà rắc rối, khó hiểu thế. Nhưng mà thôi, tôi về đây! Chào cậu!

Chiếc xe bon bon được một quãng thì ông Thảnh đột ngột bóp phanh dừng lại. Đó là quãng đường ông phát hiện ra chú dế non trong tình thế số phận ngàn cân treo trên sợi tóc lúc sáng. Trời đang ngả trưa. Một buổi trưa mùa thu, bầu trời ngẩn ngơ không biết đang đi về đâu. Xe cộ các loại vẫn nườm nượp lướt qua mặt đường. Ông Thảnh nhìn quanh. Con dế non dại ngu ngốc đâu rồi? Xót xa quá nếu nó đã biến thành một đám bụi đang bốc lên mờ mờ trên dải đường này. Lạy giời cho nó an toàn may mắn trở về với đám cỏ quê hương để cất tiếng gáy rền rã mỗi sáng ông đến đó tập bài thể dục dưỡng sinh và đêm đêm ở đó ông được hưởng sự thanh tịnh yên bình. Mở cặp, lấy cặp kính viễn mắc lên tai. Thì ra ông đâu có quên kính như đã nói với trưởng phòng Thân lúc nãy. Giờ, hai con mắt ông sau làn kính viễn săm soi từng tấc đất trên mặt đường với hy vọng tràn trề là sẽ tìm được con dế non ngây dại ưa thích phiêu lưu nọ.

Một ngày không được chấm công cũng không hẳn là một ngày vô ích. Cũng không phải là một ngày nhạt nhẽo, chẳng đem lại lợi ích gì cho ai! Ngày hôm nay cho ông chứng kiến tình mẫu tử của mẹ con Cún, sẻ chia nỗi lo toan cho sinh mệnh chú dế non tơ dại dột, để chú lại được gáy râm ran tối tối chiều chiều, biến thời gian thành chuỗi hạt cườm óng ánh./.

Một số điểm mới của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019

Ths. Lưu Thị Tuyết

Giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển

Trong bộ máy hành chính Nhà nước Việt Nam, cán bộ, công chức, viên chức luôn là các chủ thể trọng tâm, là đội ngũ trực tiếp thi hành, triển khai các hoạt động hành chính Nhà nước, là những người trực tiếp đại diện Nhà nước tiếp xúc với Nhân dân. Tuy nhiên, sau 10 năm thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (có hiệu lực từ 01/01/2010) và 8 năm thực hiện Luật Viên chức năm 2010 (có hiệu lực từ 01/01/2012), nhiều quy định của những luật này đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Để khắc phục những hạn chế này và dần hoàn thiện quy chế pháp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, ngày 25/11/2019, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội Việt Nam khóa XIV đã chính thức thông qua Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Bài viết này sẽ tổng hợp một số điểm mới nổi bật nhất được sửa đổi, bổ sung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.

1. Một số sửa đổi, bổ sung liên quan đến quy chế pháp lý của cán bộ, công chức

1.1 Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc, nghỉ hưu vẫn có thể bị xử lý kỷ luật

Từ ngày 1/7/2020, theo quy định mới của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, mọi hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu đều bị xử lý theo quy định của pháp luật[1]. Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, người có hành vi vi phạm có thể bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật. Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm gắn với hệ quả pháp lý tương ứng với hình thức xử lý kỷ luật. Trong đó, hình thức xử lý kỷ luật "xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm" là hình thức kỷ luật mới được bổ sung thêm.

1.2 Cán bộ, công chức tham nhũng đương nhiên bị buộc thôi việc

Để thống nhất về việc xử lý người có hành vi tham nhũng nêu tại Điều 92 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, luật sửa đổi lần này đã bổ sung thêm quy định về việc xử lý cán bộ, công chức có hành vi tham nhũng.

Theo đó, cán bộ, công chức sẽ bị buộc thôi việc trong 02 trường hợp:

- Bị kết án phạt tù mà không được hưởng án treo;

- Bị kết án về tội phạm tham nhũng;

Có thể thấy, việc bổ sung quy định này là hoàn toàn hợp lý, đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả của pháp luật, giúp công tác phòng, chống tham nhũng được nghiêm minh hơn.

Ngoài ra, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 cũng quy định chi tiết hơn về hình thức kỷ luật hạ bậc lương. Theo đó, việc hạ bậc lương chỉ áp dụng với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý *(trước đây không có quy định về điều này).*

1.3 Công khai kết quả đánh giá cán bộ, công chức ở nơi làm việc

Đây là một trong những điểm mới của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019. Căn cứ vào kết quả đánh giá, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức vẫn được phân loại thành 04 mức (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ).

Kết quả đánh giá này được lưu vào hồ sơ cán bộ, công chức, thông báo đến người được đánh giá và công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đối tượng này công tác. Thông qua quy định này có thể thấy, việc đánh giá cán bộ, công chức sẽ được thực hiện một cách công khai, minh bạch hơn so với trước đây.

1.4 Bổ sung trường hợp được tuyển dụng vào công chức

Theo quy định hiện hành, việc tuyển dụng công chức được thực hiện chủ yếu qua hình thức thi tuyển, chỉ có duy nhất 01 trường hợp là người có phẩm chất, trình độ và năng lực, cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở miền núi, biên giới, hải đảo... mới được xét tuyển thẳng làm công chức.

Tuy nhiên, để phù hợp hơn với thực tiễn tuyển dụng cán bộ, công chức hiện nay, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 đã bổ sung thêm các trường hợp được xem xét xét tuyển trở thành công chức, bao gồm các đối tượng như: Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng hoặc người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương cử đi học.

Không chỉ vậy, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức còn có thể tiếp nhận các trường hợp:

- Viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Cán bộ, công chức cấp xã;

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân; người làm công tác cơ yếu nhưng không phải là công chức;

- Tiếp nhận để bổ nhiệm làm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với người đang là chủ tịch và thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch và thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng trong doanh nghiệp Nhà nước…

- Người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

Thực tế, những trường hợp thi tuyển, xét tuyển hay tuyển dụng đặc biệt nêu trên không phải là quy định mới, nhưng trước đây, các trường hợp này mới chỉ được quy định tại Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018... mà chưa được luật hóa. Do vậy, những sửa đổi, bổ sung này trong văn bản luật là rất cần thiết, đảm bảo tính thống nhất về hiệu lực của các văn bản pháp luật và chính thức mở rộng "cánh cổng" trở thành công chức đối với nhiều người.

1.5 Chính thức bỏ chế độ công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Cả nước hiện có khoảng 580.000 người là công chức[2] trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy vậy, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 đã thu hẹp các đối tượng là công chức, không tiếp tục quy định lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập là công chức như hiện nay.

Quy định mới này là hoàn toàn hợp lý, bởi trước đây, xét trong lĩnh vực giáo dục, hiệu trưởng các cơ sở giáo dục công lập được xếp vào nhóm công chức nên thực tế chỉ được hưởng 25% phụ cấp công vụ, trong khi đó, do đặc thù công tác trong ngành Giáo dục nên các thầy/cô vẫn phải đảm bảo giảng tối thiểu 2 tiết/tuần, nhưng lại không được hưởng chế độ phụ cấp nhà giáo, phụ cấp thâm niên đứng lớp như các giáo viên. Điều này gây ra mâu thuẫn, không đảm bảo quyền lợi của các thầy/cô đứng đầu các trường học công, thậm chí có trường hợp, lương của người đứng đầu đơn vị còn thấp hơn lương của giảng viên lâu năm công tác trong trường.

Bên cạnh quy định đội ngũ lãnh đạo, quản lý là công chức như hiện hành, việc quy định áp dụng Luật Cán bộ, công chức

năm 2008 đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp cũng không phù hợp với thực tiễn và cơ chế hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là các quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá, thôi việc, kỷ luật đối với đội ngũ này do đặc thù hoạt động của doanh nghiệp khác với cơ quan hành chính.

Chính vì lý do này, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 đã không tiếp tục quy định giao Chính phủ quy định việc áp dụng chế độ công chức đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, đây vẫn là đội ngũ cán bộ giữ vị trí quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước. Vì vậy, luật cũng giao Chính phủ quy định khung số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chế độ quản lý, sử dụng đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ[3] bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác cán bộ, phù hợp với tính chất, đặc thù công việc, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đáp ứng được sự năng động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

1.6 Bổ sung thêm hình thức thực hiện nâng ngạch đối với công chức

Theo Khoản 4, Điều 7 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, ngạch là tên gọi thể hiện thứ bậc về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức. Cũng theo luật này, công chức có thể được nâng lên ngạch cao hơn trong quá trình làm việc. Tuy nhiên, việc nâng ngạch phải căn cứ vào vị trí việc làm, phù hợp với cơ cấu công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị và *thông qua thi tuyển*. Và chỉ những công chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch cao hơn mới được đăng ký dự thi nâng ngạch. Như vậy, theo quy định hiện hành, ngoài hình thức *thi tuyển để nâng ngạch* với người đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì không còn hình thức nào khác.

Với Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, cơ hội nâng ngạch của công chức được "mở" hơn rất nhiều. Không giống hiện nay chỉ có 01 hình thức nâng ngạch duy nhất là thi tuyển thì từ khi luật này có hiệu lực (từ 01/7/2020), công chức còn có thể được *nâng ngạch thông qua xét tuyển*. Theo đó, cơ hội được nâng ngạch cũng như hưởng mức lương cao hơn của ngạch tương ứng cũng nhiều hơn.

2. Một số sửa đổi, bổ sung liên quan đến quyền, nghĩa vụ của viên chức

Không chỉ tác động mạnh mẽ đến quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các quyền lợi và nghĩa vụ của đội ngũ viên chức hiện nay. Liên quan đến đội ngũ viên chức, luật này có những thay đổi lớn sau đây:

2.1 Chính thức bỏ chế độ "biên chế suốt đời" với viên chức

Theo quy định của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, viên chức vẫn thực hiện 02 loại hợp đồng là không xác định thời hạn và xác định thời hạn. Tuy nhiên, đối với hợp đồng không xác định thời hạn hay còn gọi là "chế độ biên chế suốt đời" của viên chức sẽ không còn được áp dụng với các đối tượng mới được tuyển dụng từ ngày 01/7/2020.

Có thể thấy quy định này hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như đồng bộ với những văn bản khác về công tác cán bộ hiện nay, góp phần tạo một không khí làm việc mới đối với đội ngũ viên chức.

2.2 Kéo dài thời hạn hợp đồng làm việc của viên chức lên 60 tháng

Không chỉ tác động đến hợp đồng làm việc không xác định thời hạn mà đối với hợp đồng xác định thời hạn, Khoản 2, Điều 2 Luật này cũng sửa đổi, bổ sung thời hạn thực hiện hợp đồng. Theo đó, nâng thời hạn thực hiện hợp đồng xác định thời hạn của viên chức từ 36 tháng lên 60 tháng. Trong đó, hợp đồng xác định thời hạn là loại hợp đồng mà hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng, áp dụng với những người mới trúng tuyển viên chức.

Đặc biệt, trước khi hết hạn hợp đồng 60 ngày, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải ký tiếp hoặc chấm dứt hợp đồng với viên chức. Trong đó, nếu viên chức đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và đơn vị còn nhu cầu thì bắt buộc phải ký tiếp hợp đồng. Ngược lại, nếu từ chối thì phải có văn bản nêu rõ lý do vì sao.

2.3 Bổ sung tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc của viên chức thông qua công việc, sản phẩm cụ thể

Nếu như trước đây, Điều 41 Luật Viên chức năm 2010 nêu rõ, việc đánh giá viên chức chỉ được xem xét ở: Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức cũng như việc thực hiện các nghĩa vụ khác của viên chức thì ở Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, việc đánh giá viên chức đã được quy định rõ theo từng công việc, sản phẩm cụ thể.

Đồng thời, mỗi ngành nghề lại có đặc thù riêng nên sẽ áp dụng một tiêu chuẩn với nội dung khác nhau khi đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ. Do đó, với quy định đánh giá viên chức dựa vào kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với vị trí việc làm và thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể đã tạo sự rõ ràng, thuận lợi hơn trong thực tiễn đánh giá hiệu quả làm việc của đội ngũ viên chức.

2.4 Luật hóa trường hợp viên chức bị đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 đã bổ sung thêm một trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức, *đó là: "Viên chức không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự".*

Thực tế hiện nay, quy định này đã được đề cập tại Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự, tuy nhiên chưa được chính thức quy định trong luật. Theo đó, kể từ 01/7/2020 sẽ có 6

trường hợp viên chức bị đơn vị sự nghiệp công đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc[4].

Ngoài những thay đổi riêng áp dụng đối với từng đối tượng là cán bộ, công chức và viên chức, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 cũng quy định chung về việc tăng thời gian xử lý kỷ luật đối với toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 thì thời hiệu xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức là 24 tháng kể từ thời điểm có hành vi vi phạm đến khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật. Thực tế cho thấy quy định như vậy là quá ngắn, không bảo đảm tính nghiêm khắc đối với việc xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm. Nhiều trường hợp, cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật về Đảng (hoặc đã bị xử lý hình sự nhưng cho hưởng án treo) khi xét kỷ luật theo quy định của luật thì đã hết thời hiệu.

Mặt khác, trong thời gian vừa qua, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, trong đó quy định rõ về thời hiệu kỷ luật; đồng thời có một số trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên có vi phạm trong thời gian công tác nhưng đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra khỏi khu vực Nhà nước đã bị xử lý kỷ luật về Đảng và xử lý kỷ luật về chính quyền.

Xuất phát từ yêu cầu đó, để bảo đảm tính nghiêm minh, nghiêm khắc, kỷ luật, kỷ cương trong công tác cán bộ, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 đã quy định tăng thời hiệu xử lý đối với tính chất từng loại hành vi vi phạm gắn với hệ quả pháp lý (theo thứ tự 2 năm, 5 năm và không tính thời hiệu đối với một số hành vi cụ thể); bổ sung quy định không tính thời hạn giải quyết các vụ việc theo thủ tục tố tụng vào thời gian để xác định thời hiệu và quy định xóa tư cách chức vụ đối với người có vi phạm trong thời gian công tác nhưng đã thôi việc, nghỉ hưu; tăng thời hạn xử lý vi phạm kỷ luật từ 60 ngày và 90 ngày (đối với các vụ việc phức tạp) lên thành 90 ngày và 150 ngày; quy định rõ việc bổ nhiệm khi bị kỷ luật (không bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn 12 tháng đối với trường hợp bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương; không bổ nhiệm chức vụ trong thời hạn 24 tháng nếu bị kỷ luật giáng chức, cách chức).

Ngoài ra, theo luật này sẽ không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

- Cán bộ, công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ;

- Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

- Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

Như vậy, cán bộ, công chức sẽ không được áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật và bị xem xét xử lý kỷ luật vào bất cứ thời điểm nào nếu bị phát hiện là có một trong các hành vi vi phạm nêu trên.

Từ ngày 01/7/2020, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 sẽ chính thức có hiệu lực, với những điểm mới về chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức. Văn bản này được kỳ vọng sẽ tạo ra chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó tạo ra những chuyển biến mới trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ quản lý hành chính và nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ở nước ta./.

GỬI CÁC ANH

(Gửi hương hồn 64 liệt sỹ hy sinh ngày 14/3/1988 tại đảo Gạc Ma, Trường Sa để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc)

Ba hai năm đảo Gạc Ma
Sáu tư chiến sỹ của ta quên mình
Giữ cờ, giữ đảo hy sinh
Gương sáng liệt sỹ xứng danh anh hùng
Muôn đời Tổ quốc ghi công
Các anh yên nghỉ giữa lòng Trường Sa
Gạc Ma ơi, Gạc Ma ơi!
Ba hai năm vẫn lệ rơi quặn lòng!
Cả nước hướng về Biển Đông
Chủ quyền biển đảo quyết không xa rời
Tổ quốc gọi: Có chúng tôi

Tin tưởng nhé, các anh ơi yên lòng…

Bùi Khắc Khuyên

Chú thích:

(1), (3) Theo Khoản 18, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 sửa đổi, bổ sung Điều 84 Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

(2) Theo số liệu báo cáo của Bộ Nội vụ năm 2019;

(4) Tham khảo Khoản 1, Điều 29 Luật Viên chức năm 2010 và Khoản 4, Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Tòa án nhân dân

Ngày 18/6/2020, Tòa án nhân dân (TAND) Tối cao đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-TANDTC quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo (KN, TC) trong TAND. Theo đó, Thông tư số 01/2020/TT-TANDTC (sau đây gọi là Thông tư 01) quy định như sau:

Giải quyết KN

Về thẩm quyền giải quyết KN, Thông tư 01 hướng dẫn: Chánh án TAND cấp huyện giải quyết KN lần đầu đối với các KN quyết định, hành vi của mình, của công chức và người lao động thuộc quyền quản lý của Chánh án TAND cấp huyện; Chánh án TAND cấp tỉnh giải quyết KN lần đầu đối với các KN quyết định, hành vi của mình, của công chức, người lao động thuộc quyền quản lý của Chánh án TAND cấp tỉnh; Giải quyết KN lần hai đối với KN quyết định, hành vi của Chánh án TAND cấp huyện, của công chức, người lao động thuộc quyền quản lý của Chánh án TAND cấp huyện đã giải quyết lần đầu nhưng còn KN hoặc KN lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết; Chánh án TAND cấp cao giải quyết KN lần đầu đối với các KN quyết định, hành vi của mình, của công chức và người lao động thuộc quyền quản lý của Chánh án TAND cấp cao.

Ngoài ra, Chánh án TAND Tối cao giải quyết các KN lần đầu đối với các KN quyết định, hành vi của mình, của công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý của Chánh án TAND Tối cao; Giải quyết KN lần hai đối với KN quyết định, hành vi của Chánh án TAND cấp tỉnh, Chánh án TAND cấp cao.

Theo Điều 7 Thông tư 01, người đứng đầu các đơn vị có chức năng thanh tra trong TAND các cấp có trách nhiệm như sau: (1) Trưởng ban Ban Thanh tra TAND Tối cao có trách nhiệm giúp Chánh án TAND Tối cao tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết KN thuộc thẩm quyền của Chánh án TAND Tối cao và những nội dung KN thuộc thẩm quyền giải quyết của Chánh án TAND cấp cao, Chánh án TAND cấp tỉnh, Chánh án TAND cấp huyện theo chỉ đạo của Chánh án TAND Tối cao; (2) Người đứng đầu đơn vị có chức năng thanh tra tại TAND cấp cao, TAND cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Chánh án TAND cấp mình tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết KN thuộc thẩm quyền; (3) Người đứng đầu bộ phận được giao thực hiện chức năng thanh tra tại TAND cấp huyện có trách nhiệm giúp Chánh án TAND cấp huyện tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết KN thuộc thẩm quyền; (4) Trưởng Ban Thanh tra TAND Tối cao, người đứng đầu đơn vị có chức năng thanh tra tại TAND cấp cao, TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện giúp Chánh án TAND cấp mình theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết KN, thi hành quyết định giải quyết KN có hiệu lực pháp luật.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp thứ 37 cho ý kiến về công tác giải quyết KN, TC năm 2019
Ảnh: Internet

Đối với quy định việc xử lý các KN, theo Khoản 2, Điều 9 Thông tư 01 quy định rõ KN thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND được xử lý như sau:

- KN thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thì người xử lý đề xuất thủ trưởng cơ quan, đơn vị thụ lý để giải quyết theo quy định;

- KN thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng không đủ điều kiện thụ lý giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được KN, người xử lý đề xuất người có thẩm quyền ra thông báo trả lời hoặc hướng dẫn cho người KN biết rõ lý do không được thụ lý giải quyết hoặc bổ sung những thủ tục cần thiết để thực hiện việc KN;

- Trường hợp KN thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được KN, người xử lý đề xuất người có thẩm quyền chuyển KN đến TAND có thẩm quyền để giải

quyết theo quy định và thông báo cho người KN biết;

Đối với KN không thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thì xử lý như sau:

- KN không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được KN, người xử lý đề xuất người có thẩm quyền ra thông báo trả lại KN và hướng dẫn người KN gửi đơn KN hoặc đến trình bày trực tiếp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết;

- KN do đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận, các cơ quan báo chí hoặc các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật chuyển đến nhưng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được KN, người xử lý đề xuất người có thẩm quyền ban hành công văn trả lại KN, nêu rõ lý do trả lại KN cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển KN đến.

Giải quyết TC

Theo Điều 22 Thông tư 01, thẩm quyền giải quyết TC được quy định như sau:

- Chánh án TAND có thẩm quyền giải quyết TC hành vi vi phạm của các cơ quan, đơn vị thuộc TAND;

- Đối với công chức hoặc người lao động đã chuyển công tác, sau đó mới xác định có hành vi vi phạm tại cơ quan, đơn vị đã công tác thì Chánh án TAND quản lý trực tiếp công chức hoặc người lao động tại thời điểm có hành vi vi phạm pháp luật giải quyết, Chánh án TAND nơi công chức hoặc người lao động đang công tác có trách nhiệm phối hợp giải quyết.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, người đứng đầu các đơn vị có chức năng thanh tra trong TAND các cấp có trách nhiệm: (1) Trưởng Ban Thanh tra TAND Tối cao có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết TC thuộc thẩm quyền của Chánh án TAND Tối cao; Xác minh nội dung TC, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý TC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chánh án TAND Tối cao; Xem xét việc giải quyết TC mà Chánh án TAND cấp cao, Chánh án TAND cấp cấp tỉnh đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; (2) Người đứng đầu đơn vị có chức năng thanh tra tại TAND cấp cao có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết TC thuộc thẩm quyền của Chánh án TAND cấp cao; Xác minh nội dung TC, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý TC; (3) Người đứng đầu đơn vị có chức năng thanh tra tại TAND cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết TC thuộc thẩm quyền của Chánh án TAND cấp tỉnh; Xác minh nội dung TC, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý TC; (4) Người hoặc bộ phận được giao thực hiện chức năng thanh tra, giải quyết KN, TC tại TAND cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết TC thuộc thẩm quyền của Chánh án TAND cấp huyện; Xác minh nội dung TC, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý TC.

Điều 26 Thông tư 01 quy định về việc giải quyết việc tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung TC, cụ thể:

1. Khi tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung TC theo quy định tại Khoản 1, Điều 25 của Luật TC thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận xử lý như sau:

- Người tiếp nhận vào sổ đăng ký, phân loại, nghiên cứu nội dung TC, đánh giá tính chất, mức độ vụ việc, báo cáo kết quả xử lý bước đầu cho người giải quyết TC trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin có nội dung TC;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xử lý bước đầu nếu nội dung TC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình thì người giải quyết TC phải quyết định việc thẩm tra, xác minh nội dung TC hoặc quyết định tiến hành thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Tiếp nhận, xử lý TC do cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến thuộc trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 26 của Luật TC:

- Trường hợp TC do cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến TAND Tối cao thì Ban Thanh tra TAND Tối cao phải tiến hành phân loại, đánh giá tính chất, mức độ vụ việc, nếu thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình thì tham mưu cho Chánh án TAND Tối cao thực hiện thẩm tra, xác minh nội dung TC, báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh hoặc đề xuất Chánh án TAND Tối cao tiến hành thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền phục vụ cho công tác quản lý;

- Trường hợp TC do cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến TAND cấp cao, TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện thì đơn vị có chức năng thanh tra phải tiến hành phân loại, đánh giá tính chất, mức độ vụ việc, nếu thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình thì tham mưu cho lãnh đạo Tòa án cùng cấp thực hiện thẩm tra, xác minh nội dung TC, báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh hoặc đề xuất lãnh đạo tiến hành thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Giải quyết việc tiếp nhận, xử lý TC có dấu hiệu của tội phạm:

- Trong quá trình tiếp nhận, xử lý TC nếu thấy hành vi bị TC có dấu hiệu tội phạm thì người tiếp nhận báo cáo ngay với người có thẩm quyền giải quyết TC quy định tại Điều 14 của Luật TC và Điều 22 của Thông tư này xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Sau khi xem xét nếu TC có dấu hiệu của tội phạm thì người giải quyết TC ban hành văn bản, chuyển hồ sơ, tài liệu đến cơ quan điều tra hoặc viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để xử lý theo quy định;

- Sau khi chuyển hồ sơ, tài liệu có dấu hiệu tội phạm cho Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, TAND trực tiếp quản lý công chức, người lao động bị

TC phối hợp với Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân để theo dõi, nắm tình hình, giải quyết hoặc đề xuất người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 10/8/2020.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2020

Ngày 12/6/2020, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đã ban hành Quyết định số 673/QĐ-LĐTBXH về việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2020. Theo đó, sẽ điều chỉnh tăng hoặc giảm các cuộc thanh tra tùy vào từng trường hợp cụ thể.

1. Điều chỉnh giảm các cuộc thanh tra:

a) Tại Thanh tra

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công Long Đất.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội (BHXH) tại các doanh nghiệp: Vùng 1: Lạng Sơn; Vùng 2: Hải Phòng, Ninh Bình; Vùng 3: Đắk Lắk, Đà Nẵng, Gia Lai; Vùng 4: Tiền Giang, Bạc Liêu.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Tổng Công ty Miền Trung - CTCP và 10 đơn vị thành viên, đơn vị liên kết.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tại các doanh nghiệp thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thanh Hóa;

Ảnh: Trần Chính

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan BHXH, doanh nghiệp tại tỉnh Khánh Hòa.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với 09 doanh nghiệp.

- Thanh tra việc thực hiện chính sách đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học, việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ưu đãi người có công với cách mạng tại tỉnh Nghệ An.

- Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và thành phố Cần Thơ.

b) Tại Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Thanh tra việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng tại 15 trường đại học trên địa bàn 05 tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An và Hải Dương.

c) Tại Cục Quản lý lao động ngoài nước

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với 10 doanh nghiệp.

2. Điều chỉnh tăng các cuộc thanh tra tại Thanh tra:

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản tại dự án Trung tâm Phục hồi chức năng trẻ tàn tật Thụy An do Giám đốc Trung tâm Phục hồi chức năng trẻ tàn tật Thụy An làm chủ đầu tư.

- Thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng Quy Nhơn.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại 10 công trình xây dựng.

- Thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn 04 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội, Đồng Nai, Hưng Yên và Lâm Đồng.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 12/6/2020./.

Quỳnh An

Giải pháp giảm thiểu khiếu nại trong công tác thu hồi đất ở Cộng hòa Thống nhất Tanzania

Đỗ Hữu Thùy Dương
Phó Chánh Thanh tra tỉnh Long An

Sự không hài lòng của những người bị ảnh hưởng bởi dự án thu hồi đất là một hiện tượng phổ biến trên toàn thế giới và trong hầu hết các chương trình thu hồi đất ở các quốc gia. Nếu không giải quyết kịp thời những khiếu nại về đất đai sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Khiếu nại trong việc thu hồi đất cũng tạo ra hình ảnh xấu cho chính quyền.

Từ những nghiên cứu thực tiễn tại Cộng hòa Thống nhất Tanzania về các giải pháp được sử dụng để giải quyết khiếu nại và đánh giá các phản ứng của những người bị ảnh hưởng bởi dự án thu hồi đất cho thấy sự đền bù không thỏa đáng, không tuân thủ luật pháp, chính sách tái định cư không tốt sẽ dẫn đến khiếu nại tố cáo và không thuận lợi cho việc triển khai dự án.

Bên cạnh đó, việc Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền sử dụng quyền lực áp đặt những người bị ảnh hưởng bởi dự án thu hồi đất, buộc họ chấp nhận bồi thường và không để những người bị ảnh hưởng được tham gia quy trình thu hồi đất bồi thường tái định cư được xác định là nguyên nhân hàng đầu gây bức xúc cho người dân.

Nhu cầu thực tế phải thu hồi đất

Trong những năm qua, số lượng đất được thu hồi ở Tanzania để thực hiện cho các mục đích công cộng và sử dụng phát triển kinh tế xã hội tăng lên; chính sách đầu tư của Chính phủ trong các lĩnh vực khai thác, năng lượng và nông nghiệp, giao thông, cấp nước, đường dây truyền tải điện, bệnh viện, trường học, nhà ở, đường sắt, trung tâm dịch vụ… với tốc độ ngày càng tăng. Do đó, có thể nhận thấy, đất đai có tầm quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững của Tanzania.

Ở Tanzania, thu hồi đất bắt buộc là quá trình Chính phủ thông qua các quyền lực hợp pháp để thu lại tài sản cá nhân hoặc cộng đồng phục vụ cho mục đích công cộng. Trong quá trình này, những người có sở hữu đất buộc phải trả lại cho Chính phủ. Song song với đó, Chính phủ sẽ thanh toán bồi thường để bù đắp tổn thất phát sinh cho chủ đất bị thu hồi. Việc thu

hồi đất luôn đi cùng với các phản ứng từ người bị thu hồi đất. Đó là tình trạng khiếu nại, biểu tình, kiện tụng…

Nghiên cứu việc thu hồi đất ở Dự án Mở rộng cảng Kurasini

Chương trình mở rộng cảng Salaam dành để phục vụ các quốc gia không giáp biển ở miền Nam và miền Trung châu Phi. Dự án yêu cầu phải mua thêm đất bao quanh cảng có tổng diện tích lên tới 670ha ha, tức là 1.675 mẫu Anh trong phường Kurasini (MLHHSD, 2009). Dự án Kurasini ảnh hưởng 8,5% toàn bộ dân số, tức là 2.907 chủ đất trong số 34.370 người sống trong khu vực bao gồm đất thổ cư (30%) trong cả quy hoạch và khu định cư không có kế hoạch, khu vực khai thác cảng (35%), không gian mở (16%) và khu vực lưu thông, tức là đất cho đường bộ và đường sắt (19%).

Giống như nhiều dự án thu hồi đất, Dự án Kurasini phải đối mặt với một số thách thức và một số vấn đề gây ra sự chậm trễ. Đây là dự án chính người thực hiện thừa nhận sự tồn tại của nhiều thách thức. Một số chủ đất nộp đơn kiện lên Chính phủ. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến tốc độ thực hiện thu hồi đất của chương trình. Ngoài ra, còn có 08 gia đình không giao đất vào thời điểm dự án sắp bắt đầu. Họ đã nộp đơn kiện ra tòa án do nhận được mức bồi thường thấp. Tổng cộng có 819 người khiếu nại tức là 28% người bị ảnh hưởng đã khiếu nại chính thức.

Tổng số đơn khiếu nại từ Kurasini đã được gửi tới Bộ Đất đai lên đến con số 275. Nội dung chính của khiếu nại là: Bồi thường không đầy đủ (51,64%); không tuân thủ quy định pháp luật (42,18%), (chủ yếu là sự chậm trễ trong thanh toán bồi thường, không được trả lãi cho việc bồi thường chậm trễ); quản lý và lưu trữ dữ liệu kém (2,55%); thiếu minh bạch (2,18%); địa điểm tái định cư không thuận lợi (1,09%) và các vấn đề kỹ thuật khác (0,36%). Thực tế trên cho thấy, rõ ràng hai nguyên nhân hàng đầu cho sự không hài lòng bao gồm mức bồi thường không thỏa đáng và sự không tuân thủ quy định pháp luật.

Các quan sát được thực hiện ở Kurasini cho rằng, lý do dẫn đến khiếu nại trong việc thu hồi đất Tanzania là sự không minh bạch hoặc do tỷ lệ bồi thường và giá trị tương đối thấp, bồi thường không phản ánh tương xứng chi phí sinh hoạt thực tế, kinh tế khó khăn, tăng giá vật liệu xây dựng, chi phí hoạt động cao và xu hướng lạm phát. Ngoài ra, nguyên nhân của những khiếu nại còn xuất phát từ việc thiếu tiêu chuẩn chuyên môn, quản trị yếu kém và hiện tượng tham nhũng trong những cơ quan chịu trách nhiệm đánh giá bồi thường của dự án; không có sự tham gia của người bị thu hồi đất trước, trong và sau quá trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, tái định cư.

Ở Kurasini, những người khiếu nại bày tỏ sự không hài lòng với sự không phù hợp của khung thời gian 30 ngày được đưa ra để giao đất, sau đó những vùng đất bị thu hồi lại bị bỏ trống. Pháp luật và các cơ quan quản lý đất đai dường như "im lặng" trước các vấn đề liên quan. Những nhận định này cho thấy, có những vấn đề nghiêm trọng trong việc quản lý chương trình thu hồi đất trái với nguyên tắc quản trị theo thông số kỹ thuật của FAO (2009).

Ngoài các đơn khiếu nại, đã có thêm 182 người thuộc dự án ở Kurasini được phỏng vấn. Trong số đó, 56 người không hài lòng với mức bồi thường, 51 người ý kiến về việc không tuân thủ luật pháp, 27 người ý kiến về sự thiếu minh bạch và 27 người ý kiến về những cam kết nhưng chưa được thực hiện, số còn lại là ý kiến về những nội dung khác.

Trong 33 người bị thu hồi đất tại dự án khi được phỏng vấn đều cảm thấy rằng, nếu được tái định cư, họ có khả năng bị ảnh hưởng do khoảng cách đi lại xa nơi làm việc, sẽ tốn thêm chi phí đi lại... Đây là một thách thức lớn đối với nhiều người bị thu hồi đất do Chính phủ không có đất thay thế để tái định cư trong phạm vi khoảng cách chấp nhận được. Trong số các cư dân Kurasini, 84,82% những người được phỏng vấn có cảm giác chung rằng, đây là những chi phí đáng lẽ phải được bồi thường nhưng không được Chính phủ xem xét.

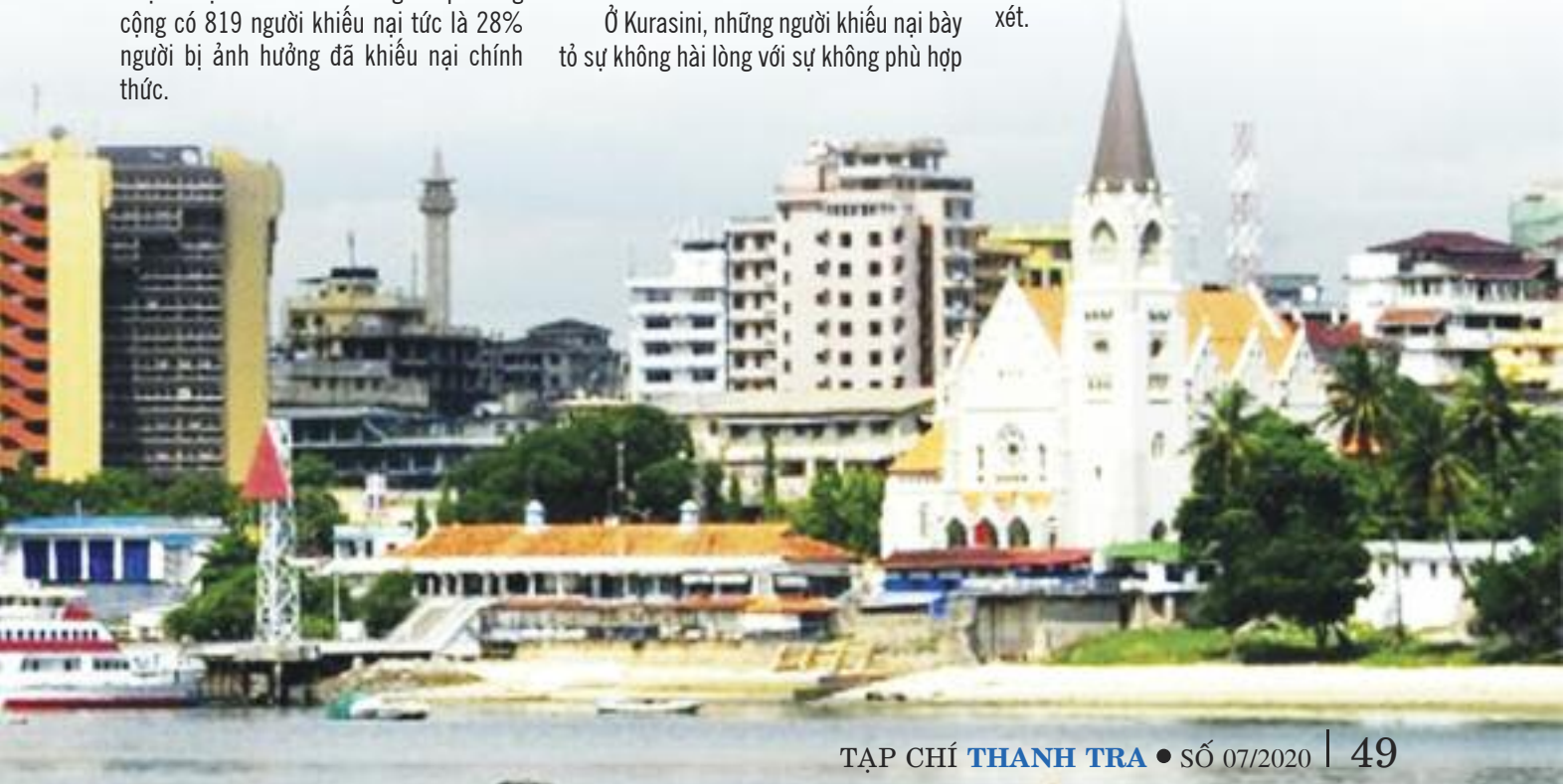

Sự bất cập trong đền bù - Nguyên nhân chính dẫn đến khiếu nại trong các chương trình của Tanzania

Nguyên nhân chính dẫn đến khiếu nại trong các chương trình của Tanzania được xác định là do: Xây dựng mức bồi thường thấp do chính quyền tự quyết định mà người dân bị ảnh hưởng bởi dự án không được tham gia thảo luận; người định giá thiếu trách nhiệm và thiếu sự nghiêm túc trong việc thu thập, ước tính và phân tích dữ liệu thu thập để xác định giá bồi thường; không tuân thủ các quy định của pháp luật bởi chính quyền thâu tóm gây ra sự bất mãn nghiêm trọng, đặc biệt là về luật pháp chi phối việc thu hồi đất bắt buộc; không có khoản thanh toán nào được thực hiện dưới dạng lãi suất mặc dù chi trả tiền bồi thường chậm trễ theo yêu cầu của pháp luật; tái định cư không thuận lợi, giá đất nhiều lần so với giá thu hồi, mức giá này gây ra sự tổn thất lớn cho người bị thu hồi đất mà họ không thể chấp nhận được; thời gian di dời không đầy đủ, bồi thường không thỏa đáng; sự không nhất quán trong việc bồi thường các tài sản tương tự giữa các hộ dân cho thấy tồn tại sự thiếu công bằng; chi tiết tài sản được ghi lại không chính xác như thuộc tính tài sản, tên chủ sở hữu...

Bên cạnh đó, những nguyên nhân khác như: Quản lý kém dữ liệu và hồ sơ, thiếu minh bạch, nhiều vấn đề kỹ thuật và những lời hứa chưa được thực hiện. Chính vì thế, người dân khiếu nại chống lại Chính phủ, từ chối giao những vùng đất mà họ sở hữu và phản đối công khai trên các phương tiện truyền thông, nộp đơn kiện tại tòa án, thậm chí họ chặn xe cơ giới trên đường để gây áp lực buộc chính quyền đáp ứng yêu cầu của họ.

Những giải pháp cải thiện vấn đề khiếu nại trong thu hồi đất được đưa ra ở Tanzania

Để tránh và giảm khiếu nại do không thỏa đáng trong công tác bồi thường, một số sáng kiến được thực hiện ở Tanzania nhằm cải thiện các gói bồi thường. Cụ thể, xây dựng khung pháp lý khuyến khích việc tự nguyện bán tài sản (đất) của cá nhân cho Chính phủ. Chính phủ chỉ sử dụng quyền lực cưỡng chế khi các sáng kiến tự nguyện đã thất bại. Chính phủ khuyến khích và thực hiện đàm phán giữa các cơ quan có thẩm quyền và người bị thu hồi đất về thời gian thực hiện, đặc biệt là số tiền phải trả hoặc bồi thường. Công khai minh bạch việc thu hồi đất và bồi thường, có sự tham gia của người bị thu hồi đất.

Mặt khác, cho phép người bị thu hồi đất được thuê chuyên gia tư vấn bên ngoài hoặc người định giá để họ có thể so sánh tính hợp lý với giá trị bồi thường được xác định bởi Chính phủ. Điều này sẽ cho phép cả hai bên định giá đạt được một thỏa hiệp bằng cách giải quyết ở một giá trị bồi thường chấp nhận được. Tương tự, các phương pháp định giá và thủ tục được sử dụng trong định giá bồi thường phải có khả năng phục hồi cho người bị thu hồi đất theo điều kiện kinh tế ban đầu của họ. Đây là gợi ý phương pháp định giá phải được so sánh với dữ liệu thị trường, phải tính đến những thiệt hại về kinh tế đối với tài sản của họ, kể cả khả năng sinh lợi trên tài sản, nếu chỉ áp dụng phương pháp chi phí thay thế như trước đây, sẽ cản trở sự phục hồi vị trí kinh tế ban đầu của người bị thu hồi đất.

Để khắc phục việc chi trả tiền bồi thường đôi khi chậm do thiếu kinh phí, nhu cầu cấp thiết là thiết lập hiệu quả Quỹ Bồi thường đất đai, từ đó, việc bồi thường có thể được thực hiện kịp thời. Quỹ này sẽ đảm bảo có đủ tiền cho chương trình thu hồi đất khi các dự án được thực hiện và sẽ làm giảm số lượng dự án bị trì hoãn do thanh toán bồi thường không kịp thời. Để giảm bớt những khiếu nại không cần thiết, đặc biệt là những khiếu nại liên quan đến các vi phạm trình tự thủ tục, người bị thu hồi đất cần phải tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện dự án. Cách tiếp cận có sự tham gia này sẽ mang lại một số đảm bảo với người bị thu hồi đất, lợi ích và phúc lợi của họ được xem xét và bảo vệ đúng cách. Để tránh việc tái định cư không thuận lợi, không phù hợp lợi ích, không phù hợp về giá cho người bị thu hồi đất, pháp luật cần quy định yêu cầu tuân thủ điều kiện và lời hứa ban đầu được thỏa thuận giữa chính quyền và người dân.

Đặc biệt, trong quá trình thu hồi đất và bồi thường nên thiết lập một số cơ chế giám sát chất lượng công việc được thực hiện bởi những người có chức năng định giá, thực thi việc thu hồi đất đảm bảo đúng pháp luật. Tài sản thu hồi từ tham nhũng phải được sung công quỹ và xử lý theo pháp luật đối với công chức, viên chức vi phạm./.

Theo www.ijstr.org

ĐÔI MẮT

Kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sỹ 27/7

Chiến tranh giữ "Nước" đã lùi xa
Đôi mắt con nhìn chẳng thấy cha
Đôi mắt con nhìn không thấy mẹ
Trái tim con khắc rõ quê nhà!

Bài hát tình ru ngọt giọng bà
Để đời cháu được bay cao xa
Non sông gấm vóc vang thế giới
Ơn nhớ "Cha già" dựng nước ta!

Công bằng xã hội nhớ ơn Cha
Làng xóm thương yêu kính trọng bà
Nghĩa nặng mang theo con của mẹ
Vu lan "Đất nước" rực hồng hoa!

Phúc Khánh